

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HÓA
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

ĐC: LÔ 188 MB2122 - PHƯỜNG HẠC THÀNH - TỈNH THANH HOÁ
TEL: 0915040633- Email: Thonglas246@gmail.com



HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE



PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Mở đầu:

Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Thanh Hóa là một doanh nghiệp cổ phần với nhiều chức năng: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm nén tĩnh nền, thí nghiệm nén tĩnh cọc; Tư vấn giám sát thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng công nghiệp; Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông thủy lợi; Khảo sát địa hình, địa chất; Tư vấn lập dự án; lựa chọn nhà thầu; Thiết kế và thẩm tra các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng công nghiệp, kiểm định chất lượng công trình xây dựng ..vv. Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 2801949241 do Sở kế hoạch và đầu tư Thanh Hóa cấp với phạm vi hoạt động trên cả nước.

Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Thanh Hóa được thừa kế các hoạt động tư vấn xây dựng, thí nghiệm, kiểm định của nhiều công ty tư vấn, trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật. Công ty là nơi tập hợp một đội ngũ đông đảo các nhà chuyên môn Thạc sỹ, Kỹ sư và Kiến trúc sư, ngoài ra còn có các chuyên viên cố vấn đã đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong tất cả các lĩnh vực tư vấn xây dựng, thí nghiệm kiểm định, xây dựng dân dụng và công nghiệp, nền móng công trình, vật liệu xây dựng ...

Công ty đã không ngừng phát triển về thể chế đảm bảo ổn định bền vững cho người lao động. Không ngừng củng cố, xúc tiến, ban hành nhiều phương pháp giúp cán bộ Công ty nâng cao kiến thức phục vụ tốt cho công việc. Nâng cao thu nhập của cán bộ Công ty trước mắt và chiến lược lâu dài, phát huy tiềm lực khoa học kỹ thuật của đội ngũ cán bộ trong Công ty. Ngoài ra Công ty không ngừng đổi mới về trang thiết bị phục vụ cho công tác tư vấn xây dựng, thí nghiệm kiểm định..., nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ để đáp ứng kịp các công nghệ mới nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

Với nguồn nhân lực mạnh, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công việc đã có sẵn, chúng tôi sẽ đảm bảo thực hiện công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả, chính xác.

Xin gửi tới quý công ty, lời chào trân trọng và mong sự hợp tác bền vững!

***Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định
xây dựng Thanh Hóa***

KS. Lê Minh Thông

PHẦN II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

II.1. GIỚI THIỆU CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.

A- GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY :

1. TÊN CÔNG TY: Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Thanh Hoá.

2- Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0915040633 Email: Thonglas246@gmail.com

- Số tài khoản: 5010.485486 Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá.

- Mã số doanh nghiệp: 2801949241

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 27/3/2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/02/2025.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: THH- 00035822, ban hành kèm theo Quyết định số: 38 / QĐ- SXD ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Sở xây dựng Thanh Hóa.

3- Phòng thí nghiệm VLXD LAS-XD 246:

- Phòng thí nghiệm VLXD mã số LAS-XD246 thuộc Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Thanh Hóa. Được Bộ xây dựng công nhận khả năng thực hiện các phép thử đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 36/GCN-BXD ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Địa chỉ: Lô 188 - MB 2122, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại - 0915040633 Email: Thonglas246@gmail.com

4- CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;

- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát địa hình, khảo sát điều tra đánh giá trữ lượng mỏ;

- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý đầu tư, tư vấn đấu thầu công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Thí nghiệm mẫu địa chất công trình;
- Thí nghiệm nén tĩnh nền, nén tĩnh cọc
- Kiểm tra chất lượng công trình;
- Kiểm tra, đánh giá và xử lý nền móng công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Kiểm định chất lượng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Phá dỡ
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

5- VỐN ĐIỀU LỆ: 1.978.000.000 đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu đồng)

6- ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:

* Ông: **Lê Minh Thông** Kỹ sư ĐCCT - Kỹ sư xây dựng

- Chức vụ: Giám đốc Công ty.

7. NHÂN SỰ CHÍNH CỦA CÔNG TY:

* Ông: Lê Minh Thông	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc
* Bà: Hà Thị Thuỷ	Phó giám đốc
* Ông: Cao Văn Tấn	Trưởng phòng tư vấn giám sát
* Ông: Trịnh Văn Cẩn	Trưởng phòng tư vấn thiết kế
* Ông: Nguyễn Văn Tình	Trưởng phòng khảo sát
* Ông: Lê Hoàn Nguyên	P. Trưởng phòng thí nghiệm

* Ông: Nguyễn Mạnh Hùng

P. Trưởng phòng thí nghiệm

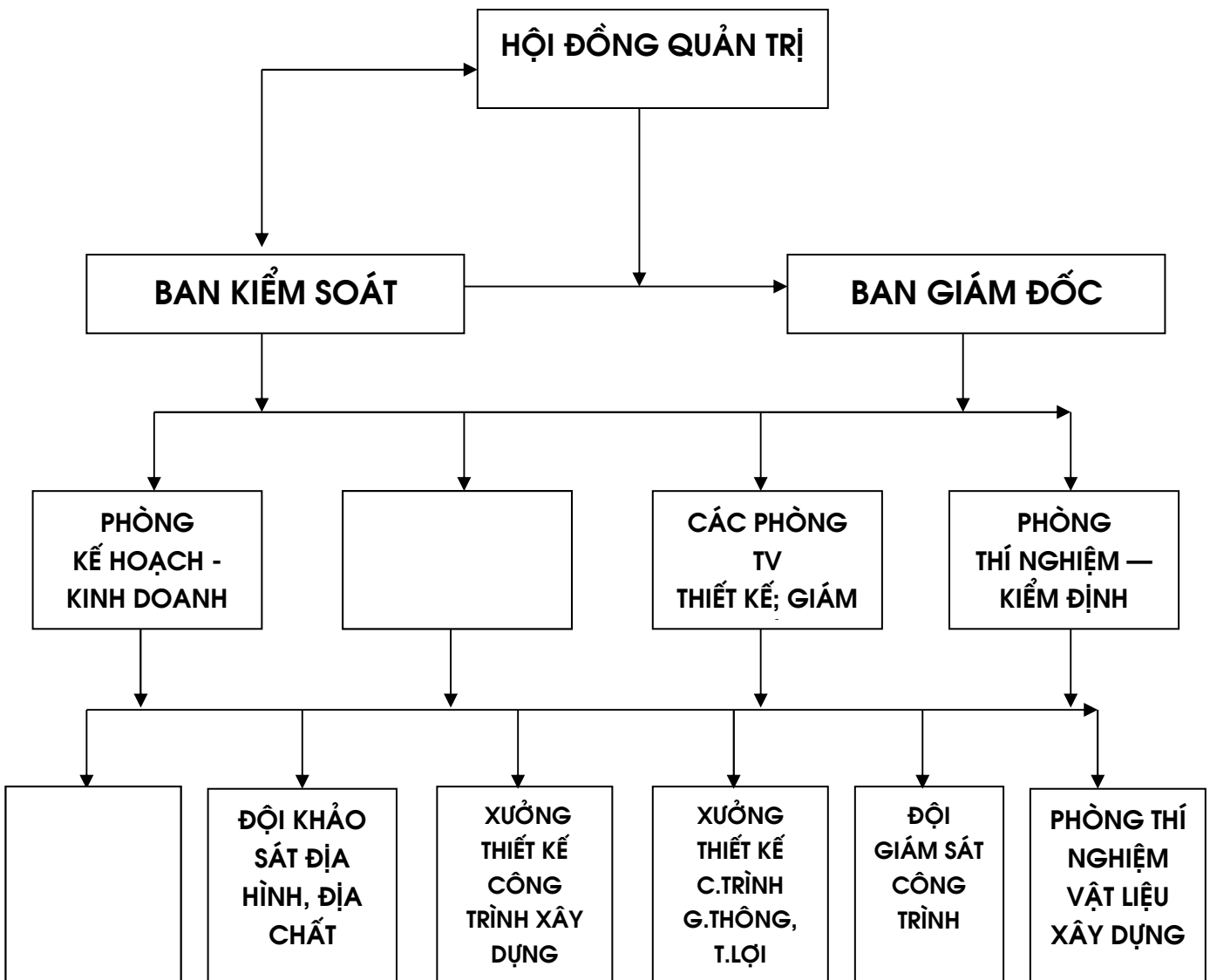
* Ông: Võ Bá Quang

Kế toán trưởng

Tổng số nhân viên của công ty:

- Trong đó: + Trình độ đại học: 20 người
- + Trình độ cao đẳng: 5 người
- + Trình độ trung cấp: 5 người
- + Chuyên viên: 4 người
- + Công nhân kỹ thuật: 30 người

B- GIỚI THIỆU SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY:



II.2. MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT:

II.2.1. DANH MỤC THIẾT BỊ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM:

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
A	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XD			
A-1	VẬT LIỆU RỜI			
1	Dụng cụ chia mẫu 1 và 2	Việt Nam	bộ	2
2	Máy sàng cốt liệu ZBSX-92 thích hợp các cỡ sàng D=200-300	Trung quốc	cái	2
3	Sàng cốt liệu nhỏ: 10;5;2,5;1,25;0,63;0,315;0,14	Việt Nam	bộ	2
4	Sàng cốt liệu lớn: 70, 40, 25, 20, 15, 10, 5 (01 bộ = 7 cái)	Trung quốc	bộ	2
5	Tấm đục lỗ 90: 100:110: 120mm (01 bộ = 4 cái)	Việt Nam	bộ	2
6	Bộ nén đập trong xi lanh	Trung quốc	bộ	2
7	Bình rửa đá	Việt Nam	cái	2
8	Rọ cân thuỷ tĩnh	Việt Nam	cái	2
9	Thước kẹp 200mm	Nhật	cái	2
10	Máy mài mòn Los Angeles.Model MH-I	Trung quốc	cái	2
11	Khay chứa cốt liệu theo cỡ sàng	Trung quốc	cái	22
12	Khay đựng mẫu sản phẩm(1,2mx1,5m)	Trung quốc	cái	2
A-2	THÍ NGHIỆM THÉP			
1	Máy uốn kéo vạn năng WE-1000B	Trung quốc	cái	2
2	Gối uốn, ngàm kẹp - đi kèm	Trung quốc	bộ	2
3	Các thiết bị dùng chung (Thước kẹp, cân ...)		bộ	2
4	Máy cắt thép (Cắt đĩa)	Nhật	cái	2
A-3	THÍ NGHIỆM XI MĂNG			
1	Bộ vica XD thời gian đông kết vữa	Việt Nam	bộ	2
2	Ca đông vữa	Việt Nam	cái	4
3	Khuôn xi măng - T.TECH	Việt Nam	cái	10
4	Máy khuấy xi măng kiểu hành tinh TQ Mo del : JJ - 5	Trung quốc	bộ	1
5	Bộ gá uốn mẫu xi măng 4x4x16cm - VN	Trung quốc	bộ	1
6	Bộ gá uốn mẫu xi măng 4x4cm - VN	Trung quốc	bộ	1
7	Tủ dưỡng hộ (ổn định nhiệt độ và độ ẩm)	Trung quốc	cái	1
8	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	Trung quốc	cái	1
9	Máy nén mẫu xi măng	Trung quốc	cái	1
A-4	THÍ NGHIỆM NƯỚC			
1	Thùng đong 1 lít	Việt Nam	cái	2
2	Lọ thuỷ tinh 250ml	Trung quốc	cái	5
3	Phễu thuỷ tinh	Trung quốc	cái	4
4	ống đong 1.000ml	Trung quốc	cái	5
5	ống đong 205ml	Trung quốc	cái	5
6	Tỷ trọng kế 151+152	Pháp	cái	1
7	Hoá chất các loại, giấy quỳ .	Trung quốc	thùng	1
8	Các thiết bị dùng chung (cân, tủ sấy ...)	Trung quốc	bộ	1
B	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG			
1	Máy nén bê tông JYE-2000	Trung quốc	cái	3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
2	Máy dần tạo mẫu bê tông	Trung quốc	cái	1
3	Đầm dùi 5cm	Nhật Bản	cái	3
4	Côn đo độ sụt bê tông	Trung quốc	bộ	4
5	Côn đo độ sụt bê tông	Việt Nam	bộ	9
6	Khuôn bê tông lăng trụ D=150; H=300	Việt Nam	bộ	5
7	Khuôn bê tông 150x150x150 (Bộ 3 cái)	Việt Nam	bộ	50
8	Khuôn bê tông 100x100x100 (Bộ 3 cái)	Việt Nam	bộ	10
9	Thanh chọc mẫu bê tông	Việt Nam	cái	4
10	Súng bật nảy kiểm tra cường độ bê tông	Thụy sỹ	cái	1
11	Phòng dưỡng hộ mẫu bê tông	Việt Nam	phòng	1
12	Bể ngâm mẫu bê tông		bể	2
13	Thiết bị khoan lấy mẫu (Xem mục D4)			1
C	THÍ NGHIỆM ĐẤT			
C.1	PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT, XÁC ĐỊNH ĐỘ ẨM			
1	Sàng đất lỗ vuông D=300 T.TECH: Các cỡ sàng: 50; 37,5; 25; 19; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075; 0,02 mm	Việt Nam	bộ	2
2	Các thiết bị dùng chung: Cân, tỷ trọng kế, tủ sấy, máy sàng lắc.		bộ	2
C.2	THÍ NGHIỆM ĐÀM NÉN			
1	Protor cải tiến: cối TLS 186 + chày TLS 188 - T.TECH	Việt Nam	bộ	2
2	Protor tiêu chuẩn: cối TLS 185 + chày TLS 187 - T.TECH	Việt Nam	bộ	2
3	Dao để gạt đất T.TECH	Việt Nam	cái	2
4	Kích đùn mẫu 4 và 6 TLS114 - T.TECH	Việt Nam	bộ	2
5	Thìa trộn	Việt Nam	cái	2
6	Bay trộn	Việt Nam	cái	2
7	Bình xịt rửa mẫu	Trung quốc	cái	5
8	Bình độ ẩm bằng INOX- T.TECH	Việt Nam	cái	24
9	Chảo trộn mẫu ĐK 350 - T.TECH	Việt Nam	cái	2
10	Xẻng nhỏ	Trung quốc	cái	2
11	Bình hút ẩm TLS 036	Trung quốc	cái	2
C.3	BỘ THÍ NGHIỆM CBR			
1	Máy nén CBR50KN-T.TECH Model; TLS213 Hoạt động bằng động cơ điện 1,5KW, điện áp 220V/50HZ theo tiêu chuẩn tiêu chuẩn ASTM và AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn VN tốc độ gia tải 1,27mm/phút (có tốc độ di chuyển nhanh khi không tải)	Việt Nam	bộ	1
2	Cung lực 50KN, đồng hồ chỉ dịch chuyển Max 10x0,1mm	ITALIA	cái	1
3	Khuôn CBR Model TLS 200; đồng hồ bao gồm: thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trùng nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không có rãnh, giá đỡ đồng hồ đo - T.TECH	Việt Nam	cái	12
4	Đồng hồ đo TLS 76; dài 10x0,01 mm	Nhật Bản	cái	12
5	Dao cắt bằng thép T.TECH	Việt Nam	cái	1
C.4	GIỚI HẠN ATTERBERG (CHẤY + DẸO) T.TECH			
1	Thiết bị Casagrande TLS 171	Việt Nam	cái	2

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
2	Dụng cụ tạo rãnh ASTM	Việt Nam	cái	2
3	Đĩa phoi	Việt Nam	cái	2
4	Dao trộn	Việt Nam	cái	2
5	Bộ soi Casagrande	Việt Nam	cái	2
6	Tấm kính nhám 300x300x10mm	Việt Nam	tấm	2
C.5	THIẾT BỊ CƠ HỌC ĐẤT VÀ DỤNG CỤ KHÁC			
1	Máy nén đất tam tam liên TLS 290 (WG - 1C) kèm đầy đủ phụ kiện nh: quả cân, đá thấm, dao cắt Trung Quốc.	Trung quốc	bộ	1
2	Máy nén đất 2 tốc độ TLS 280 (EDJ - 1) kèm đầy đủ phụ kiện nh: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ Trung quốc.	Trung quốc	bộ	1
3	Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường TLS 084, kèm 3 lưỡi dao - T.TECH	Việt Nam	bộ	20
4	Dụng cụ hấp thụ nước của cát TLS 148 - T.TECH	Việt Nam	cái	2
5	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt TLAO 72 - T.TECH	Việt Nam	cái	4
D	THÍ NGHIỆM NHỰA, BÊ TÔNG NHỰA, HỖN HỢP NHỰA			
D.1	THÍ NGHIỆM MARSHALL			
1	Máy nén Marshall 30KN - T.TECH model . TLB042 hoạt động bằng động cơ điện 1,5 Kw, điện áp 220v - 50Hz theo tiêu chuẩn ASTM và AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam tốc độ gia tải 50,8 mm/ phút	Việt Nam	bộ	1
2	Cung lực 30KN, đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 10x0,01mm	ITALIA	cái	1
3	Máy đầm mẫu MARSHALL tự động TLB033 điện tử hiện số, với bộ đếm số búa đầm đặt đọc tùy ý hoạt động bằng động cơ điện 1,1 Kw, điện áp 220v - 50Hz - T.TECH	Việt Nam	bộ	1
4	TLB 030 - 01 cổ khuôn MARSHALL - T.TECH	Việt Nam	cái	3
5	TLB 030 - 01 đế khuôn MARSHALL - T.TECH	Việt Nam	cái	3
6	TLB 030 - 01 thân khuôn MARSHALL - T.TECH	Việt Nam	cái	24
7	Dao gạt mẫu	Việt Nam	cái	1
8	Thùng ổn nhiệt TLS050 - T.TECH	Việt Nam	cái	1
D.2	THÍ NGHIỆM CHIẾT XUẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP LY TÂM			
1	Máy ly tâm TLB 012; mẫu 300g. điện áp 220v - 50Hz - T.TECH	Việt Nam	bộ	1
2	Giấy lọc (100tờ/hộp)		hộp	3
D.3	ĐỘ RỘNG (PP CHÍNH XÁC)			
1	Bình hút chân không 10 lít TLA039	Trung quốc	cái	2
2	Bơm chân không TLV 204	Trung quốc	cái	1
3	Ống cao su		m	1
4	Quạt hơi ấm	Nga	cái	1
D.4	KHOAN LỖ LẤY MẪU			
1	Máy khoan lấy mẫu T.TECH: khoan lấy mẫu bê tông xi măng; bê tông nhựa tự hành, động cơ chạy xăng - (HONDA) 5,5HP, có hệ thống bám côn tự động.	Việt Nam	bộ	1
2	Mũi khoan kim cương ĐK 101,6mm ModelTLC 343-02	Hàn Quốc	cái	3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
D.5	THÍ NGHIỆM NHỰA			
1	Thí nghiệm dẫn dài nhựa T.TECH Modell TLB 054 tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài mã 1500mm động cơ 0,5kW,220V/50Hz	Việt Nam	bộ	1
2	Thiết bị kim lún nhựa TLB056, đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 50mmx0,01mm, kèm gốc mẫu, cốc giữ nhiệt 0,2kim - T.TECH.	Việt Nam	bộ	1
3	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa kèm bình ga và van an toàn - T.TECH TECH .Model : TLB085	Việt Nam	bộ	1
4	Thiết bị thí nghiệm hoá mềm nhựa - T.TECH.Model TLB072	Việt Nam	bộ	1
5	Đôi găng tay amiăng chịu nhiệt T.TECH	Việt Nam	đôi	10
6	Kẹp mẫu	Việt Nam	đôi	2
E	THIẾT BỊ KIỂM TRA NỀN, MẶT ĐƯỜNG			
1	Bộ cân Ben ken man - T.TECH. Model TLBN102 Tỷ lệ 2:1 làm bằng inox, theo kiểu ELE rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	Việt Nam	bộ	2
2	Bộ đo E bằng tấm ép tñnh - T.TECH.Mo del TLS 225 Bao gồm : Tấm ép đk 340mm,tấm tự lựa, kích thuỷ lực 20 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phiên kế, 02 thiên phiên kế.	Việt Nam	bộ	2
3	Thước phẳng 3 m - T.TECH.Mo del TLB099, kèm 2 ca lip.	Việt Nam	bộ	2
4	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát - T.TECH	Việt Nam	bộ	2
5	Bộ rót cát xác định độ chặt	Việt Nam	bộ	2
6	Bộ dao vòng xác định độ chặt cho thủy lợi	Việt Nam	bộ	2
F	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
1	Búa cao su	Trung quốc	cái	5
2	Búa thép 5 Kg	Việt Nam	cái	5
3	Bình hút ẩm Fi 300	Trung quốc	cái	2
4	Tủ sấy 300 �C - Model 101- 1	Trung quốc	cái	1
5	Tủ sấy 10-300 �C - Model 101- 2	Trung quốc	cái	2
6	Cân kỹ thuật điện tử-Nhật (Max4000grs, độ chính xác 0,01g)	Nhật	cái	3
7	Cân kỹ thuật điện tử-Mỹ (Max 15 kg, độ chính xác 0,5g)	Mỹ	cái	4
8	Cân đồng hồ 30; 60kg	Việt Nam	cái	4
9	quạt hút gió	Việt Nam	cái	1
10	Giá sắt	Việt Nam	cái	2
11	Bếp cách cát Đức	Đức	cái	1
12	Đồng hồ bấm giây	Nga	cái	2
13	Thang màu chuẩn - T.TECH	Việt Nam	tờ	1
14	Thiết bị xác định tổn thất khi nung TLB 064	Việt Nam	bộ	1
E	THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH NỀN, NÉN TĨNH CỌC			

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Thiết bị thí nghiệm nén tĩnh cọc: Kích thủy lực 200 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, kích thủy lực 300 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, dầm, đối trọng bê tông, thiên phân kế đo lún ..vv	Việt Nam	bộ	2
2	Thiết bị thí nghiệm nén tĩnh nền: Kích thủy lực 16 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, dầm, neo vít vào nền đất, thiên phân kế đo lún ..vv	Việt Nam	bộ	2
G	THÍ NGHIỆM VÃI ĐỊA, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẮM, BẢNG CẢN NƯỚC			
1	Máy thử độ bền kéo – nén WDW - 100	Trung quốc	cái	1
2	Gối uốn, ngàm kẹp - đi kèm	Trung quốc	bộ	1

II.2.1. DANH MỤC THIẾT BỊ CỦA DỪNG CHUNG CHO CƠ QUAN:

STT	TÊN TÀI SẢN	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
A	THIẾT BỊ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH			
1	Máy toàn đạc	Tốt	2 máy	Sở hữu
2	Máy thủy bình	Tốt	2 máy	Sở hữu
3	Bộ đàm thoại	Tốt	4 bộ	Sở hữu
III	THIẾT BỊ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT			
1	Bộ khoan máy XY 100	Tốt	2 máy	Sở hữu
2	Máy khoan tay	Tốt	3 máy	Sở hữu
IV	THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN			
1	Ô tô bán tải Ford -3.0	Tốt	1 chiếc	Sở hữu
2	Ô tô 5 chỗ	Tốt	1 chiếc	Sở hữu
V	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG			
1	Máy vi tính sách tay	Tốt	10 chiếc	Sở hữu
2	Máy vi tính để bàn	Tốt	10 chiếc	Sở hữu
3	Máy photocopy - SHARP - AR-5316	Tốt	2 chiếc	Sở hữu
4	Máy in laser A4 - Canon	Tốt	4 chiếc	Sở hữu
5	Máy in laser A3 - Canon	Tốt	1 chiếc	Sở hữu

II.3. DANH SÁCH BỐ TRÍ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY

STT	Công việc đảm nhận	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Năm C.Tác	Trình độ chuyên môn
1	Quản lý chung	Lê Minh Thông	1977	Chủ tịch HĐQT - Giám Đốc	25	Kỹ Sư XD Kỹ sư ĐCCT
		Hà Thị Thủy	1980	Phó Giám đốc	20	Cử nhân K/Tế
		Võ Bá Quang	1981	Kế toán trưởng	20	Cử nhân K/Tế
2	Q. Lý tài chính	Lê Minh Thông	1977	Giám Đốc	25	Kỹ Sư XD Kỹ sư ĐCCT
		Võ Bá Quang	1978	Kế toán trưởng	20	Cử nhân K/ Tế
3	Q. Lý hành chính	Hà Thị Thủy	1980	Phó Giám đốc	20	Cử nhân K/Tế
		Trương Thị Hiền	1986	Trưởng phòng TC - HC	18	Trung cấp kế toán
4	Q. Lý kỹ thuật	Trịnh Văn Cẩn	1967	Trưởng phòng tư vấn thiết kế	25	Kỹ Sư XD
		Cao Văn Tấn	1960	Trưởng Phòng tư vấn giám sát	25	Kỹ sư XD
		Nguyễn Văn Tình	1976	Trưởng Phòng khảo Sát	25	Kỹ sư ĐCCT
5	Phòng thí nghiệm -	Hà Thị Thủy	1950	Phó Giám Đốc	20	
		Lê Hoàn Nguyên	1988	P. Trưởng PTN	15	Kỹ Sư XD – Các chứng chỉ thí nghiệm viên
		Nguyễn Mạnh Hùng	1972	P. Trưởng PTN	15	Kỹ Sư XD - Các chứng chỉ thí nghiệm viên
		Cao Thi Hoa	1990	Thí nghiệm viên	10	Trung cấp nghề thí nghiệm
		Nguyễn Thị Lan	1981	Thí nghiệm viên	13	Trung cấp nghề thí nghiệm
		Lê Văn Tùng	1990	Thí nghiệm viên	10	Chứng chỉ thí nghiệm bê tông, vật liệu xây dựng

STT	Công việc đảm nhận	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Năm C.Tác	Trình độ chuyên môn
		Đặng Văn Quân	1983	Thí nghiệm viên	10	Trung cấp nghề thí nghiệm
6	Các các bộ Phòng khảo sát - thiết kế - Giám sát	Nguyễn Huấn	1972	Phòng giám sát	25	Kỹ sư xây dựng
		Nguyễn Thị Tuyến	1955	Trưởng bộ phận KCS	25	Kỹ sư XD
		Lê Khiêm	1968	Phòng khảo sát	20	Kỹ sư khoan thăm dò
		Lê Xuân Việt	1979	Phòng tư vấn thiết kế	18	Kỹ sư xây dựng
		Lê Đăng Huân	1975	Phòng khảo sát	20	Kỹ sư ĐCCT
		Đỗ Xuân Dân	1973	Phòng khảo sát	20	Kỹ sư ĐCCT
		Phùng Văn Đoàn	1976	Phòng khảo sát	20	Kỹ sư ĐCCT
		Phùng Văn Kết	1976	Phòng khảo sát	17	Kỹ sư trắc địa
		Nguyễn Văn Khanh	1977	Phòng khảo sát	18	Kỹ sư trắc địa

PHẦN III: HỒ SƠ KINH NGHIỆM

III.1 CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỂN HÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY TRONG LĨNH VỰC TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, GIÁM SÁT

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Năm thực hiện	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
I	KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT			
1	Trạm Y tế xã Nga Lĩnh	UBND xã Nga Lĩnh – huyện Nga Sơn		160
2	Nhà máy may Hoa Lộc huyện Hậu Lộc	Công ty CP may BTM		280
3	Biệt thự lô T3 - T4 khu đô thị Bình Minh	Công ty TNHH Ngọc Ninh		130
4	Trạm dừng nghỉ loại 1 của công ty Hoàng Sơn	Công ty TNHH Hoàng Sơn		300
5	Khách sạn Tuấn Linh - Hải Tiến	Công ty CP đầu tư và XD Tuấn Linh		260
6	Khu vui chơi và thể thao thị trấn Bút Sơn – Hoàng Hóa	Công ty CP đầu tư và XD Tuấn Linh		270

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Năm thực hiện	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
7	Nhà hàng phù đồng - Thanh Hóa	Công ty CP XD và thương mại miền bắc		255
8	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp	Công ty CP XD và thương mại miền bắc		290
9	Nhà thờ giáo xứ kẻ đằm - Thọ Lâm - Thọ Xuân	Giáo xứ kẻ đằm		190
10	Khách sạn Green River hotel - Hải Tiến - Hoàng Hóa	Công ty CP đầu tư và XD Tuấn Linh		450
11	Chung cư Nam đường Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng, TP Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư và XD Minh Hương		350
12	Trung tâm Văn hóa xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		191
13	Xây dựng đường giao thông nông thôn (Thôn Mỹ đi thôn Khong) xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		206
14	Đường giao thông Thôn Chinh đi thôn Giang xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		144
15	Đường giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, thôn Mỹ đi thôn Khong xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		451
II	TU VẤN GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH			
1	Cải tạo sửa chữa trường Cao đẳng Y - Thanh Hóa	Trường Cao đẳng Y Thanh Hóa		100
2	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường tiểu học xã Thiệu Nguyên.	UBND xã Thiệu Nguyên		180
3	Tòa nhà hỗn hợp 10 tầng + 1 tầng hầm	Tổng công ty cổ phần Thành Trung		30
4	Trung tâm thương mại Bến Xung	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển dự án Hà Nội		80
5	Sân vận động huyện Cẩm Thủy	UBND huyện Cẩm Thủy		60
6	Đầu tư xây dựng 1 số hạng mục công trình quảng trường văn hoá kết hợp hoạt động thể dục huyện ngọc lộc	UBND huyện ngọc lộc		70
7	Nhà thí nghiệm và thực hành	Trường Cao đẳng Y Thanh Hóa		55
8	Xây dựng đường giao thông nông thôn (Thôn Mỹ đi thôn Khong) xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		100
9	Đường giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, thôn Mỹ đi thôn Khong xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		250
II	TU VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG			

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Năm thực hiện	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
	NGHIỆP			
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, trường mầm non Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc – huyện Quảng Xương		180
2	Nhà văn hoá đa năng xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hoá	UBND xã Hoàng Trung, h. Hoàng Hoá		160
3	Nhà văn hoá đa năng xã Quảng Lĩnh, huyện Quảng Xương	UBND xã Quảng Lĩnh, h. Quảng Xương		150
4	Nhà Làm việc 3 tầng Công sở xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hoá	UBND xã Hoàng Khê, h. Hoàng Hoá		130
5	Trạm Y tế xã Nga Lĩnh	UBND xã Nga Lĩnh, h. Nga Sơn		90
6	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, trường mầm non Hà Sơn	UBND xã Hà Sơn, h. Hà Trung		120
7	Trung tâm Văn hóa xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân		191

III.2 CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỂN HÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN TRONG NHỮNG NĂM**GẦN ĐÂY TRONG LĨNH THỬ NGHIỆM, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG****III.2.1 THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG: NÉN TĨNH CỌC, NÉN TĨNH NỀN**

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Năm thực hiện	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
1	Nhà ở công nhân khu công nghiệp Lê Môn tỉnh Thanh Hoá	Công ty TNHH MTV ĐTPHT Thanh Hoá		22
2	Nhà công vụ, chi cục thuế huyện Cẩm Thủy	Cục thuế tỉnh Thanh Hóa		30
3	Nhà làm việc – Trung tâm y tế thành phố Thanh Hoá	Trung tâm y tế TP Thanh Hoá		80
4	Nhà thi đấu đa năng huyện Quảng Xương	UBND huyện Quảng Xương, Thanh Hoá		127
5	Tiểu dự án cấp nước sạch cho 7 xã huyện Hậu Lộc	Công ty TNHH Mai Hương		35,7
6	Trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công thương – Cơ sở 2	Trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công thương		67.8
7	Khu tổ hợp dịch vụ tổng hợp khu kinh tế Nghi Sơn	Công ty thép Nghi Sơn		60.0
8	Đầu tư xây dựng 1 số hạng mục công trình quảng trường văn hoá kết hợp hoạt động thể dục huyện ngọc lộc	UBND huyện ngọc lộc		70.0
9	xây dựng (Xí nghiệp may 20 B) / Công ty cổ phần X20	Công ty cổ phần X20		90.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Năm thực hiện	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
10	Chi cục thuế huyện Nga Sơn	Cục thuế tỉnh Thanh Hoá		70.0
11	Trạm bơm Nội Hà, huyện Yên Định	Công ty TNHH Mai Hương		74.2
12	Chi cục thuế huyện Cẩm Thủy	Cục thuế tỉnh Thanh Hoá		90.0
13	Chung cư CT1, CT2 - Khu đô thị xanh Thành Phố Thanh Hoá	Công ty TNHH xây dựng Hợp Lực		350.0
14	Nhà làm việc Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh Thanh Hoá	Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh Thanh Hoá		120.0
15	Khu chung cư Phan Chu Trinh	Cty CP xây dựng Sông Mã		110.0
14	Khoa quốc tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá		110.0
15	Dự án phát triển hệ thống tưới, Bắc sông chu Nam sông mã - Gói thầu B2.2 LÔ 03 (KN-05-SMC): Thi công kênh và công trình trên kênh đoạn từ K10+00 :- K21+500	Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa		300,0
16	Nhà bán vé, bến xe phía bắc Thanh Hóa	Cty CP xe khách Thanh Hóa		45
17	Chi cục thuế huyện Vĩnh Lộc	Cục thuế tỉnh Thanh Hoá		90.0
18	Chi cục thuế huyện Hoằng Hóa	Cục thuế tỉnh Thanh Hoá		90.0
19	Công an huyện Hoằng Hóa	Công An tỉnh Thanh Hóa		90.0
20	Doanh trại E762 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa		80.0
19	Công an huyện Hoằng Hóa	Công An tỉnh Thanh Hóa		90.0
20	Nhà bệnh xá, Nhà trẻ - Nhà máy Z 111	Nhà máy Z 111		210.0
21	Doanh trại - Bộ chỉ huy quân sự TP Thanh Hóa	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa		80.0
22	Chi cục thuế huyện Nông Cống	Cục thuế tỉnh Thanh Hoá		90.0

III.2.1 THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH KHI THI CÔNG

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Giá trị xây lắp	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
I	THỬ NGHIỆM, KIỂM TRA CHO CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI			
1	Gói thầu số 2 “ nạo vét tôn tạo- bảo vệ mái bờ- hệ thống neo đậu báo hiệu. Thuộc dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới -	Công ty cổ phần Tàu Quốc- Tổng công ty xây dựng Trường Sơn- Công ty cổ phần đầu tư	50 tỷ	300

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Giá trị xây lắp	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
	Thanh Hóa”	và xây dựng Nam Phương.		
2	Sửa chữa nâng cấp tuyến đê kè biển Hậu Lộc (Đoạn 2 kè y vịch xã Hải Lộc – Huyện Hậu Lộc	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	10 tỷ	50
3	Gói thầu HT4 (Lý trình Km2+ 580 đến Km3+ 53) sửa chữa và nâng cấp tuyến đê kè biển Hải Thanh, Tỉnh Gia-Thanh Hoá	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Nông Nghiệp Thanh Hoá	18 tỷ	90
4	Gói thầu HT1 từ Km0+ 00 đến k0+ 4,25 và cống tại K0+ 385- Tiểu dự án sửa chữa, nâng cấp tuyến đê kè biển Hải Thanh- Tỉnh Gia. Thuộc dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005 Thanh hoá.	Tổng công ty Cổ Phần Miền Trung	10 tỷ	50
5	Đê bao Thạch Định và các công trình trên đê đoạn K0 đến k5+ 200- Xã Thạch Định – Huyện Thạch Thành- Thanh hoá	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	22 tỷ	130
6	Gói thầu HT1- đoạn từ K0 + 425 đến K0+ 850 và cống tại K0+ 759. Sửa chữa nâng cấp tuyến đê biển Hải Thanh,tỉnh Gia – Thanh Hoá	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	15 tỷ	75
7	Cụm các công trình thuỷ lợi ADB4 huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (Gói thầu XL3)	Tổng công ty CP xây dựng Thanh Hóa	40 tỷ	240
8	Cải tạo nâng cấp đê tả sông Bưởi (Giai đoạn 1) thuộc dự án phân lũ, chậm lũ và nâng cấp CSHT “Sống chung với lũ” huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	300 tỷ	1.500
9	Dự án phát triển hệ thống tưới, Bắc sông chu Nam sông mã - Gói thầu B2.2 LÔ 03 (KN-05-SMC): Thi công kênh và công trình trên kênh đoạn từ K10+00 -:- K21+500	1. Công ty thủy lợi Lâm Đồng, 2.Tổng công ty cơ điện - CTCP 3. Công ty cổ phần xây dựng Thành Đạt	200 tỷ	400,0
10	Các gói thầu của Dự án thủy điện Trung Sơn: W-RE-04: Hệ thống thủy lợi cho tái định cư W-RB-10.L1 Thi công đường Nà Ón - Tà Cóm W-RB-01 Thi công đường vận hành thủy	1. Tổng công tyĐô thị Thanh Hóa - CTCP 2. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng - Thương mại Phúc Hưng 3. Liên danh Công ty TNHH xây dựng Hùng Sơn – Công ty đầu tư	200 tỷ	800,0

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Giá trị xây lắp	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
	điện Trung Sơn ..	xây dựng G9 WindowS		
11	Dự án: Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hoá	Công ty CP đầu tư xây dựng TVN	15 tỷ	60
12	Dự án: Nhà máy thủy điện Xuân Minh	Công ty CP Vinaconex P&C	200 tỷ	800
13	Khu neo đậu và tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý- Huyện Quảng Xương	Công ty TNHH Hoàng Tuấn	60 tỷ	300
14	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông nghiệp như chương trình phát triển nông thôn - RDP	Công ty cổ phần xây dựng số 2	25 tỷ	90
15	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông nghiệp như chương trình phát triển nông thôn - RDP	Tổng công ty XDNN và PT NT Thanh Hóa	55 tỷ	220
16	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông nghiệp như chương trình phát triển nông thôn - RDP	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Giang Tùng	42 tỷ	170
II	THỬ NGHIỆM, KIỂM TRA CHO CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG			
1	Gói thầu số 1(Km0+00- Km14+00) đường Tam Văn Lâm Phú – Huyện Lang Chánh	Tổng công ty cổ phần xây dựng Thanh Hoá	20 tỷ	120
2	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân	Công ty Cổ phần xây dựng cơ sở hạ tầng số 18	15 tỷ	80
3	Cầu Tam Điệp, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Ban điều hành các dự án tại Huế, Công ty xây dựng công trình giao thông 501	12 tỷ	60
4	Cầu Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	37.8 tỷ	227
5	Đường giao thông nông thôn Thành Tâm - Thành An huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	10 tỷ	60
6	Đường Thành Trục - Thành Mỹ huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	30 tỷ	120
7	Tuyến đường trục trung tâm khu trung tâm hành chính - Đô thị trung tâm vùng miền phía Tây tỉnh Thanh Hóa	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	25 tỷ	100
8	Cải tạo nâng cấp QL45 đoạn Km47+200 đến Km51+300 (Đo E mặt đường phục vụ khảo sát thiết kế)	Công ty CP tư vấn đầu tư và PT đô thị Thanh Hà		75
9	Gói thầu xây lắp số 9 : Đường giao thông từ xã Hùng Sơn đi xã Phú Lâm	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây	52 tỷ	180

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Giá trị xây lắp	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
	(Đường 2 B cũ) huyện Tĩnh Gia - tỉnh Thanh Hoá	dựng Miền Bắc		
10	Cầu bê tông cốt thép đi xã Cẩm Lương - huyện Cẩm Thủy --tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	880 tỷ	352
11	Dự án : Đường GT ngã ba Điền Lư - Lương Ngoại - Lương Trung -Lương Nội - Cẩm Thủy, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô)	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	900 tỷ	360
12	Đường vào thôn Xuân Minh – Giai đoạn 2 và hạng mục đường vào thôn Tiến Sơn 1	Công ty NTHH xây dựng thương mại Toàn Thắng	23 tỷ	90
13	Đường Ba voi Sầm Sơn	Tổng công ty cổ phần XD Thanh Hóa	1100 tỷ	550
14	Đường giao thông xã Vạn Xuân – huyện Thường Xuân	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	32 tỷ	95
15	Đường giao thông thôn My đi thôn Không – huyện Thường Xuân	Công ty CP tư vấn đầu tư và PT đô thị Thanh Hà	22 tỷ	50
16	Dường từ QL 47 vào trung tâm xã Thọ Thanh , huyện Thường Xuân	Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD1	35 tỷ	102
III	THỬ NGHIỆM, KIỂM TRA CHO CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG			
1	Trường dân lập Thanh Hoa, Thành phố Thanh Hóa	Công ty Tây Đô	50 tỷ	200
2	Nhà công sở UBND xã Định Tân- Huyện Yên Định	Công ty trách nhiệm hữu hạn An Khánh	5 tỷ	25
3	Trụ sở làm việc chi cục thuế huyện Thường Xuân- tỉnh Thanh Hoá	Tổng công ty Cổ phần xây dựng đầu tư phát triển Đô Thị	4 tỷ	20
4	Bảo tồn- Tôn tạo di tích lịch sử Lam Kinh- huyện Thọ Xuân- tỉnh Thanh Hoá	Tổng công ty cổ phần xây dựng đầu tư và phát triển Đô Thị	12 tỷ	60
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học xã Hà Bắc- huyện Hà Trung- tỉnh Thanh Hoá	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Hạnh Duyệt	2 tỷ	10
6	Khu TĐC 1A, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An - Dự án thủy điện Bản Vẽ	Tổng công ty CP xây dựng Thanh Hóa	6.6 tỷ	30
7	Trường trung học cơ sở xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công ty xây dựng Hải Dương	3 tỷ	15
8	Phần móng, đệm cát, cọc cát khu nhà ở thấp tầng lô LK03 - Khu Đô thị mới Đông Sơn, TP Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD1	10 tỷ	130
9	Khu sinh thái FLC sầm sơn - Thanh Hoá thuộc dự án FLC Samson Golf Links và khu đô thị du lịch sinh thái	Công ty cổ phần xây dựng FAROS	30 tỷ	90

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HOÁ

Địa chỉ: Lô 188 MB 2122, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên dự án, công trình	Đối tác ký kết hợp đồng	Giá trị xây lắp	Giá trị HĐ (Triệu đồng)
	FLC Sầm Sơn			
10	Chung cư thu nhập thấp CT1 - CT2	Công ty cổ phần xây dựng Hợp Lực	100 tỷ	200
11	Xây dựng Trường trung cấp nghề miền núi thanh hoá	Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD 401	20 tỷ	40
12	Nhà máy SAKURAI Việt Nam	Công ty CP Lạc việt	50 tỷ	200
13	Bến xe phía bắc và khu dịch vụ vận tải Thành phố Thanh Hóa	Công ty CP xe khách Thanh Hóa	40 tỷ	80
14	Nhà công sở HĐND -UBND xã Yên Lâm - Huyện Yên Định	Công ty xây lắp điện XD Thủy Lợi Thăng Bình	35 tỷ	25
15	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc chi cục thuế huyện Lang Chánh	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TVN	38tỷ	93
16	Nhà máy SakuZai Việt Nam giai đoạn 8 +9	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lạc Việt	72 tỷ	168
17	Phân hiệu trường đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa	Tổng công ty cổ phần Miền Trung	62 tỷ	152

PHỤ LỤC 1

CHỨNG NHẬN PHÁP LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Đăng ký kinh doanh số 2801949241 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh thanh hóa cấp.
2. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: THH- 00035822, ban hành kèm theo quyết định số: 38 / QĐ- SXD ngày 03 tháng 1 năm 2025 của Giám đốc Sở xây dựng Thanh Hóa.
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 36/GCN-BXD của Bộ xây dựng cấp ngày 02/3/2022 về việc công nhận khả năng thực hiện các phép thử của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD246.
 - 3.1 Danh mục các phép thử và phương pháp thử của Phòng thí nghiệm LAS-XD246 (Kèm theo QĐ số 36/GCN-BXD ngày 02/3/2022 của Bộ trưởng Bộ xây dựng)

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2801949241

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 03 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 25 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG THANH HÓA**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô 188 Mặt bằng 2122, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá,
Việt Nam*

Điện thoại: 0915040633

Email: *Thonglas246@gmail.com*

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.978.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 19.780

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **LÊ MINH THÔNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *09/02/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038077000480*

Ngày cấp: *09/08/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

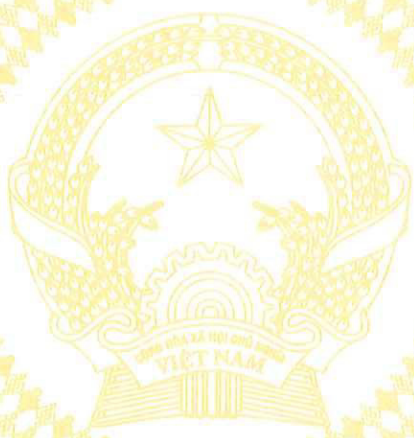
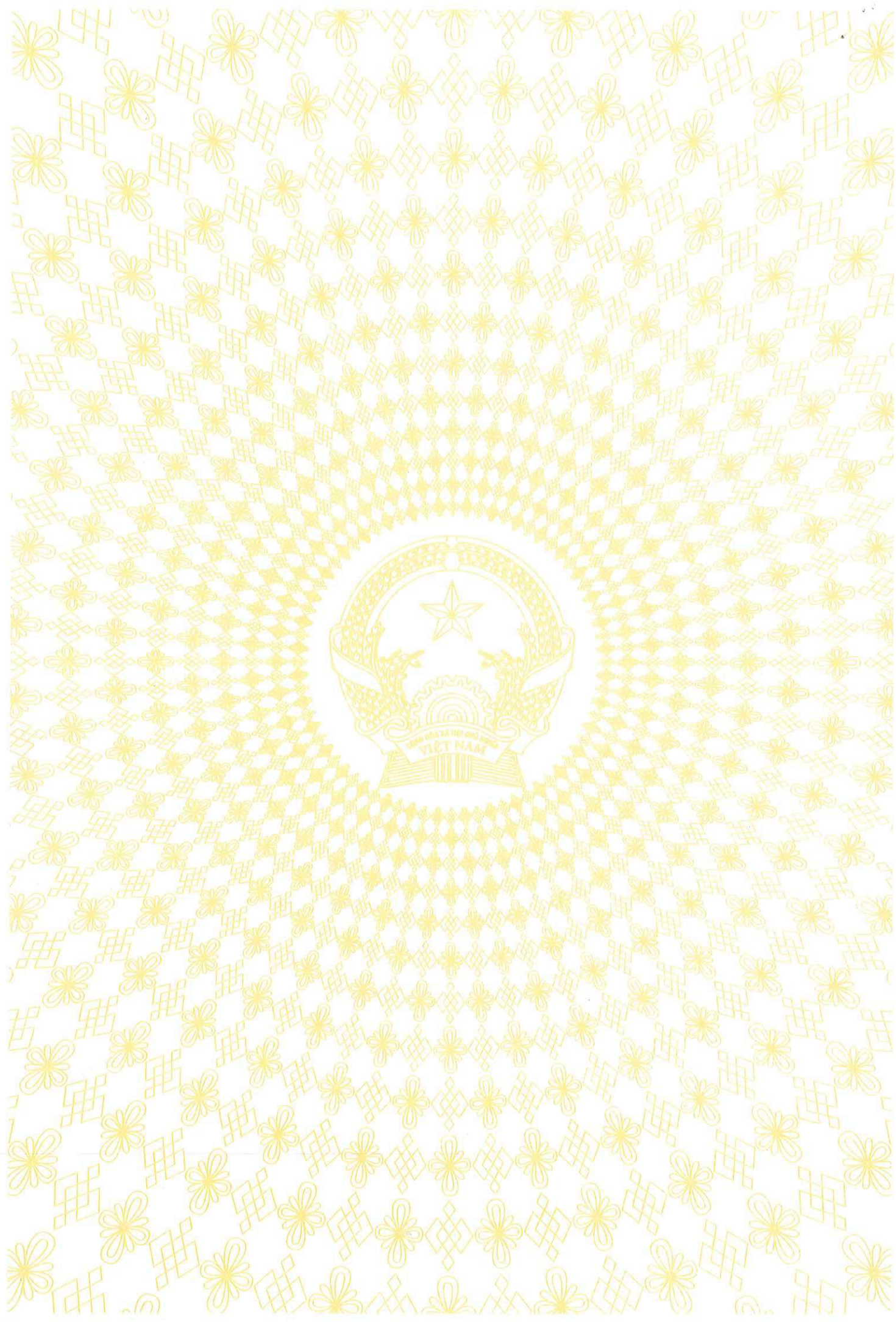
Địa chỉ thường trú: *Số nhà 02 ngõ 78 phố Phan Bội Châu, Phường Phú Sơn, Thành
phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 02/78 Phan Bội Châu 3, Phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hoá,
Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Thu



Số:



8626/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Thanh Hoá*

Địa chỉ trụ sở: *Số 45 đại lộ Lê Lợi, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Điện thoại: *0237 385 1450* Fax:

Email: *dkkdth36@gmail.com* Website:

http://skhdth.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HÓA**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2801949241

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm mẫu địa chất công trình; kiểm tra chất lượng công trình; kiểm tra, đánh giá và xử lý nền móng công trình; kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; kiểm định chất lượng công trình.	7120
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát địa hình, khảo sát điều tra đánh giá trữ lượng mỏ; thẩm tra thiết kế kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý đầu tư, tư vấn đấu thầu công trình xây dựng.	7110(Chính)
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Phá dỡ	4311



STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Xây dựng nhà để ở	4101
10	Xây dựng nhà không để ở	4102
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LÊ MINH THÔNG Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Lô 188 Mặt bằng 2122, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam Điện thoại: 0373 726645 Fax: 0373 726645 Email: thonglas246@yahoo.com.vn
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập

5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 30
7	Phương pháp tính thuế GTGT:
8	Có báo cáo tài chính hợp nhất: <i>Không</i>
9	Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: <i>Không</i>

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH
HÓA. Địa chỉ:Lô 188 Mặt bằng 2122,
Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá,
Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Quách Văn Trung.....

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Thu



SỞ XÂY DỰNG
THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: THH-00035822

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-SXD ngày 03/01/2025 của Giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hóa)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THANH HÓA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2801949241

Ngày cấp: 27/03/2013; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa

Tên người đại diện theo pháp luật: Lê Minh Thông; Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 188, MB 2122, Đông Hải, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa

Số điện thoại: 0915040633

Số fax:

Email:

Website:

Phạm vi hoạt động:

- Khảo sát địa hình; địa chất công trình - Hạng II.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ - Hạng III.
- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình: dân dụng; công nghiệp; giao thông; hạ tầng kỹ thuật - Hạng III.
- Thi công công tác xây dựng công trình: dân dụng; nhà công nghiệp; giao thông đường bộ; hạ tầng kỹ thuật cấp nước, thoát nước - Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 03/01/2035.

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 01 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Thanh

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty CP tư vấn và Kiểm định xây dựng Thanh Hóa và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 11/02/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty CP tư vấn và Kiểm định xây dựng Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801949241

Địa chỉ: 02/78 Phan Bội Châu 3, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô 188 - MB 2122 Phường Đông Hải - TP. Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 246

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 60/GCN-BXD ngày 28/ 02/2017./.

Nơi nhận:

- Công ty CP tư vấn và Kiểm định xây dựng Thanh Hóa;
- Sở XD Thanh Hóa;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 246
 (Kèm theo Giấy chứng nhận số: 36 /GCN-BXD, ngày 02 tháng 3 năm 2022
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng xi măng	TCVN 4030:2003; ASTM C188-17; C204-18; AASHTO T133, T53, T192
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109/C109M-16a; ASTM C348-14; ASTM C349-14; BS EN 196-1:05
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191; AASHTO T131-15; BSEN 196-3:05
4.	Xác định độ nở sunphát của xi măng	TCVN 6068:2004
5.	Xác định hàm lượng mất khi nung; hàm lượng SO ₃	TCVN 141:2018
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
6.	Xác định thành phần cỡ hạt, môđun độ lớn	TCVN 7572-2 :2006; ASTM C136/136M-14; AASHTO 727-18, T37
7.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :2006; ASTM C128/C127-15; AASHTO T185-17
8.	Xác định khối LR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :2006; ASTM C127-15; AASHTO T85-14
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 :2006; ASTM C29/C29M-17a; AASHTO T19/T19M; EN 1097-3
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006; ASTM C566-13; AASHTO T255-16
11.	Xác định HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 2006; ASTM C142/C142M-17; ASTM C117-17
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40/C40M-16; AASHTO T21-05
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C2938:02
14.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006; ASTM C131; AASHTO T96
15.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D 4791-10
16.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131/C131M-14, C533-16; AASHTO T96
17.	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu.	TCVN 7572-14:2006
18.	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006
19.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-16:2006
20.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006 ; AASHTO T122
21.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
22.	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883
23.	Cốt liệu nhẹ cho Bê tông – sỏi, dăm sỏi và cát Keramzit: Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích; độ bền xi lanh; khối lượng mất khi đun sôi; độ hút nước; độ ẩm	TCVN 6221:97

Đec

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
24.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105 :93; AASHTO T23-08; AASHTO T141-11; ASTM C31-90a; ASTM C172-08; JIS A1115
25.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143/C143M-15a; AASHTO T119; BS EN 12350-2:09
26.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138/ C138M-17a; AASHTO T121-11;BS EN12350-6:09
27.	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993; ASTM C232/C232M-14; AASHTO T158-15
28.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:1993; EN 12350-7:09
29.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM C642-13; BS EN 12390-7:09
30.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C643-13
31.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C418-12
32.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:93; BSEN 12390-8:09
33.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C39/C39M; BS EN 12390-3:09
34.	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C78/C78M-16, ASTM C293/ C293M-16; AASHTO T97-03, T177-17; BS EN 12390-5:09
35.	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:12; ASTM C1964-05 AASHTO T309-11/A; EN 12350-5:09
36.	Xác định độ chảy của hỗn hợp bê tông tự đầm	ASTM C1611-05; EN 12350-8:09
37.	Xác định khả năng lọt qua vòng J của bê tông tự đầm	ASTM C1621-06
38.	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403/C403M; AASHTO T197-94
39.	Lấy mẫu, xác định cường độ nén mẫu khoan tại hiện trường	AASHTO T24M/T24-07; ASTM C42/ C42M-04
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG		
40.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
41.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2003
42.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2003
43.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2003
44.	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2003
45.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11: 2003 ASTM C109/C109M
46.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2003
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG		
47.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12
48.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12
49.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12
50.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12

De

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
51.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12
52.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
53.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M
54.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M
55.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M
56.	Xác định độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
57.	Xác định kích thước hình học và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
58.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
59.	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
60.	Xác định độ chịu mài mòn.	TCVN 6476:1999
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
61.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5-13; AASHTO T49
62.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D 113-17; AASHTO T51
63.	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D 36-00; AASHTO T53
64.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2 :2011; ASTM D92-16b; AASHTO T48
65.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 165°C	TCVN 7499:2005; ASTM D6-00; AASHTO T47
66.	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D 2042; AASHTO T44
67.	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D 70-03; AASHTO T228
68.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
69.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05; DIN 52015
THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG		
70.	Xác định độ nhớt Saybolt Fuml	TCVN 8817-2:2011; AASHTO T59, ASTM D241
71.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011; AASHTO T59, ASTM D244
72.	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011; AASHTO T59, ASTM D244
73.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011; AASHTO T59, ASTM D244
74.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011; AASHTO T59, ASTM D244
75.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011; AASHTO T59
76.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011; AASHTO T59.
77.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011; AASHTO T59.
THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG		
78.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8188-2:2011; ASTM D 3143

Da

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
79.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8188-3:2011; ASTM D 95 ; AASHTO T55
80.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8188-4:2011; ASTM D 402 ; AASHTO T78
81.	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8188-5:2011; ASTM D 2170 ; A ASTM D 2171
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
82.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559; D6927; ASHTO T245
83.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164A
84.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T172
85.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209(238)
86.	Xác định khối lượng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D 2726; AASHTO T166
87.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
88.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
89.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
90.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
91.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
92.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
93.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
94.	Hỗn hợp BTN nóng – thiết kế theo PP MarShall	TCVN 8820:2011
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
95.	Kiểm tra hình dạng bên ngoài	22TCN 58:1984; AASHTO T100
96.	Xác định thành phần hạt; hàm lượng lượng mất khi nung	22TCN 58:1984; AASHTO T100
97.	Xác định hàm lượng nước; Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:1984; AASHTO T100
98.	Xác định KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Xác định hệ số hao nước	22TCN 58:1984; AASHTO T100
99.	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58:1984; AASHTO T100
100.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; Xác định KL-TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa	22TCN 58:1984; AASHTO T100
101.	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984; AASHTO T100
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BỘT BÀ TƯỜNG		
102.	Xác định độ mịn	TCVN 7239:03
103.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7239:03
104.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 7239:03
105.	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 7239:03
106.	Xác định độ bám dính với nền	TCVN 7239:03
107.	Xác định độ bền nước	TCVN 7239:03
THỬ NGHIỆM BENTONITE		
108.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; ASTM D 4380 :06
109.	Xác định độ nhớt biểu kiến, lực cắt tĩnh.	TCVN 11893:2017; ASTM D 6910
110.	Xác định tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ ổn định.	TCVN 11893:2017; 22TCN 257 :2000 ; ASTM D5891

Handwritten signature or mark

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
111.	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017; ASTM D4972 :89; ASTM D 1293
THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT VÀ BẮC THẨM		
112.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
113.	Xác định khả năng chịu tải tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010
114.	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
115.	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010
116.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
117.	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
118.	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010
119.	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632-08
120.	Xác định Lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533-09
121.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241-09
122.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh.	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833
123.	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D 3786
124.	Xác định kích thước lỗ lọc của vải	TCVN 8871-6:2011; ASTM D 4751-93
125.	Bắc thẩm xác định khối lượng trên đơn vị thể tích	ASTM D3776
126.	Bắc thẩm xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199
127.	Bắc thẩm xác định khả năng thoát nước	ASTM D4176
128.	Lưới địa kỹ thuật – Cường độ chịu kéo; Độ giãn dài	ASTM D6637
BĂNG CẢN NƯỚC		
129.	Băng chắn nước PVC Xác định độ bền kéo	JIS K 7113:1994 (a)
130.	Xác định: Độ bền hóa chất; độ cứng Shore A; khối lượng riêng	TCVN 9407:2014; ISO 4433:1977; ISO175
THỬ NGHIỆM KIỂM TRA KIM LOẠI		
131.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892 :2009); TCVN 314:2008; ASTM A370; JIS Z2241; AASHTO T68
132.	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005); ASTM A370; JIS Z2248; TCVN 6287:97
133.	Thép thanh cốt bê tông-thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997

Handwritten signature or mark

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
134.	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010
135.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
136.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
137.	Thử kéo bu lông – đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM A370:17a; ASTM F606/F606M-16; E 488
138.	Thử kéo cáp ứng lực	TCVN 10952:2015; ASTM 370
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
139.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ; AASHTO T100-10 ; ASTM D854-10
140.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
141.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; AASHTO T89-10 ; AASHTO T90-08 ; BS 1377 :90 ; ASTM D4318-10
142.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; AASHTO T88-10 ASTM D1140-14
143.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080-04, BS 1377:90; AASHTO T190
144.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; AASHTO T216, T297
145.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén ba trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:2011 ; ASTM D2850-95 ; BS 1377 :90
146.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 ; 22TCN 333:2006 ; AASHTO T99, T180, T199 ; BS 1377 :90, ASTM D1557-09/ASTM D698 ; ASTM D1557
147.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D698; AASHTO T99
148.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06 ; AASHTO T193-10, ASTM D1883-07 ; ASTM D1883
149.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 ; ASTM D2434
150.	Xác định tổng lượng muối hòa tan trong đất.	TCVN 9436:2012
151.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; AASHTO T267; AASHTO T194
152.	Xác định chỉ số đương lượng cát ES	AASHTO T176-08; ASTM D2419-02; BS EN 933-1997
153.	Xác định góc nghỉ của đất rời	TCVN 8724 :2012; ASTM C1444
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
154.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; ASTM D2937-17 e2; AASTHO T204-17; 22TCN 02:71
155.	Xác định độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006
156.	Xác định modul đàn hồi "E" của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T256:01
157.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354 :2012; ASTM D4395:17
158.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; E1082

Doc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
159.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96
160.	Xác định môđun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-96
161.	Cọc - Thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012; ASTM D 3689:07; AASHTO D1143
162.	Cọc - Thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh kéo dọc trục.	ASTM D3689
163.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời	TCVN 8821:2011
164.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9357:2012 ; ASTM D 1586-11 ; AASHTO T206-03
165.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012 ; AASHTO T206-03
166.	Cọc khoan nhồi xác định tính đồng nhất của bê tông - PP xung Siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760-16
167.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học.	TCVN 9360:2012
168.	Xác định dịch chuyển ngang bằng phương pháp trắc địa.	TCVN 9399:2012
169.	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400:2012
170.	Đo điện trở đất nổi đất	TCVN 9385:2012
171.	Xác định độ thấm nước của đất bằng phương pháp đổ nước hố đào và hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012
172.	Thí nghiệm hút nước trong hố khoan	TCVN 9148:2012
173.	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước hố đào, hố khoan	TCVN 9149:2012
174.	Xác định cường độ của neo liên kết trong bê tông và khối xây	ASTM: E488-96
175.	Xác định cường độ kéo nhỏ của bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06
176.	Xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730 : 2012
THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
177.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
178.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
179.	Xác định tổng hàm lượng muối hòa tan; hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
180.	Xác định hàm lượng SO_4^{-2}	TCVN 6200:1996
181.	Xác định hàm lượng Cl^-	TCVN 6194:1996
182.	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000
PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
183.	Xác định độ pH	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M
184.	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M
185.	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M
186.	Hàm lượng tro của phụ gia hóa học	TCVN 8826:2011
187.	Tính năng giảm nước	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M
188.	Kiểm tra tính năng của phụ gia ảnh hưởng đến thời gian đông kết.	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M

De

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
189.	Khả năng tăng cường độ nén, cường độ kéo khi uốn của bê tông.	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M
190.	Tác dụng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 8826:2011; ASTM C494/C494 M

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DÙNG

oa

PHỤ LỤC 02
GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN(ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/222 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**
(Object)

Kiểu: **Chỉ thị trong tự - TYE-2000**
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **014**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 800)/(0 – 2 000) kN**
(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **2,5/5,0 kN**
- Cấp chính xác: **2**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **3 000 kN, U = 0,13%**
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2699**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: **01/06/2025**

Trang: **1/2**
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced ather than in full except with puthe permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

TT	Chỉ thị của thiết bị (kN)	Lực chuẩn trung bình (kN)	q%	b%	v%	a%	S ₀ %
Thang đo (0 – 800) kN/2,5 kN							
1	0	0,000	0,7	0,5	0,1	1,0	0,3
2	50	50,567					
3	100	101,033					
4	150	151,400					
5	200	201,667					
6	250	251,833					
7	300	301,900					
8	350	351,867					
9	400	401,733					
10	450	451,500					
11	500	501,167					
12	550	550,733					
13	600	600,200					
14	700	698,833					
Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -2 \cdot 10^{-5} \cdot X^2 + 1,0123 \cdot X$; U = 1,2%							
Thang đo (0 – 2 000) kN/5,0 kN							
1	0	0,000	0,4	0,4	0,2	0,8	0,3
2	200	199,332					
3	400	398,662					
4	600	597,989					
5	800	797,314					
6	1000	996,637					
7	1 200	1 195,957					
8	1 400	1 395,275					
9	1 600	1 594,590					
Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -3 \cdot 10^{-6} \cdot X^2 + 0,997 \cdot X$; U = 1,3%							

- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại PTN Công ty, 10/4/2026

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHẤT LƯỢNG

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

Trang:
(N^o of pages) 2/2

Kèm theo Giấy chứng nhận hiệu chuẩn số:
Attached to Calibration Certificate N^o

12a/222 - HCL/2026

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/223 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN UỐN**
(Object)
Kiểu: **Chỉ thị tương tự - WE-1000B** Số/Mã QL: **15100**
(Type) (Serial No/Tag No)
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc** Năm: **2015**
(Manufacturer) (Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 200)/(0 – 500)/(0 – 1 000) kN**
(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,4/1,0/2,0 kN**
- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **1 000 kN, U = 0,16%**
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2700**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

TT	Chỉ thị của thiết bị (kN)	Lực chuẩn trung bình (kN)	q%	b%	v%	a%	S ₀ %
Thang đo (0 – 200) kN/0,4 kN							
1	0	0,000	0,8	0,8	0,6	0,8	0,2
2	20	20,173					
3	40	40,343					
4	60	60,513					
5	80	80,681					
6	100	100,847					
7	120	121,011					
8	140	141,174					
9	160	161,335					
10	180	181,495					
Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -2 \cdot 10^{-6} \cdot X^2 + 1,0087 \cdot X$; U = 1,0%							
Thang đo (0 – 500) kN/1,0 kN							
1	0	0,000	0,3	0,9	0,2	0,7	0,2
2	50	50,128					
3	100	100,247					
4	150	150,355					
5	200	200,453					
6	250	250,542					
7	300	300,620					
8	350	350,688					
9	400	400,747					
10	450	450,795					
Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -2 \cdot 10^{-6} \cdot X^2 + 1,0027 \cdot X$; U = 1,0%							
Thang đo (0 – 1 000) kN/2,0 kN							
1	0	0,000	0,3	0,4	0,5	0,6	0,2
2	100	99,913					
3	200	199,787					
4	300	299,620					
5	400	399,413					
6	500	499,167					
7	600	598,880					
8	700	698,553					
9	800	798,187					
10	900	897,780					
Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -2 \cdot 10^{-6} \cdot X^2 + 0,9993 \cdot X$; U = 1,0%							

- Điều kiện môi trường: Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2$, $P = 95\%$
- Thực hiện tại PTN Công ty, 11/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 12a/224 - HCN/2026

Tên phương tiện đo:

KÍCH

(Object)

Kiểu: **Thuỷ lực – KN300-150**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **061301**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:

(Technical Specification)

- Phạm vi: **(0 – 300) tấn \approx 3 000 kN**

- Áp kế: **(0 – 60) MPa**

Cơ sở sử dụng:

(Customer)

**Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá
Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện:

(In accordance used)

ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng:

(Standards used)

- Lực kế chuẩn 3 000 kN, U = 0,13%

- Liên kết chuẩn với VMI.

Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số:

(Calibration Stamp N^o)

25B.2701

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới:

(Recalibration due)

10 – 4 – 2027

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang:

(N^o of pages)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

Áp kế	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
0	0,00	5,04	10,09	15,14	20,20	25,25	30,32	35,38	40,45	45,53
10	50,60	55,68	60,77	65,86	70,95	76,05	81,15	86,25	91,36	96,47
20	101,59	106,71	111,83	116,96	122,09	127,22	132,36	137,50	142,65	147,80
30	152,95	158,11	163,27	168,43	173,60	178,77	183,95	189,13	194,31	199,50
40	204,69	209,89	215,09	220,29	225,50	230,71	235,92	241,14	246,36	251,59
50	256,82	262,05	267,29	272,53	277,77	283,02	288,27	293,53	298,79	-
60										

- Điều kiện môi trường

+ Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$

- Phương trình hiệu chuẩn: $F(x) = 0,0019 \cdot X^2 + 5,0413 \cdot X$

X: giá trị chỉ thị trên Áp kế (MPa); Lực đo được: Tấn

- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo $U = 2\%$ với $k = 2$, $P = 95\%$

- Thực hiện tại PTN Công ty, 10/4/2026

Người thực hiện

(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a **43** - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH**

(Object)

Kiểu: **Thủy lực – FCY150150**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **190878**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:

(Technical Specification)

- Khả năng tạo lực danh nghĩa: **Max = 1 000 kN**

- Áp kế chỉ thị: **(0 – 60) MPa**

- Cấp chính xác: **1,6**

Cơ sở sử dụng:

(Customer)

Công ty CP Xây dựng và Kiểm định Công trình Miền Trung

Số 06 phố Đặng Văn Hỷ, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**

(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn, **U = 0,13%**

(Standards used)

- Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2698**

(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **06 – 4 – 2027**

(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: **01/06/2025**

Trang:

(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced ather than in full except with puthe permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

Chỉ thị trên áp kế (MPa)	Giá trị lực trung bình đo được (tấn)
0	0,00
5	10,25
10	20,45
15	30,62
20	40,74
25	50,83
30	60,87
35	70,88
40	80,84
45	90,77
50	100,65

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = -0,0008 * X^2 + 2,053 * X$
- + X: giá trị chỉ thị trên đồng hồ áp lực (MPa)
- + Lực đo được: Tấn ($1 \text{ tấn} \approx 10 \text{ kN}$)
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại Trung tâm, ngày 06/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
Lê Hùng Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/226 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH**
(Object)

Kiểu: **Thủy lực**
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)

Số/Mã QL: N/A
(Serial No/Tag No)

Năm:
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 160) kN \approx 16 tấn**
(Technical Specification) - Áp kế chỉ thị: **(0 – 9 000) Psi**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 600 kN, U = 0,13%
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2703**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2

(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

Psi	0	200	400	600	800
0	0,00	3,528	7,072	10,632	14,208
1 000	17,80	21,408	25,032	28,672	32,328
2 000	36,00	39,688	43,392	47,112	50,848
3 000	54,60	58,368	62,152	65,952	69,768
4 000	73,60	77,448	81,312	85,192	89,088
5 000	93,00	96,928	100,872	104,832	108,808
6 000	112,80	116,808	120,832	124,872	128,928
7 000	133,00	137,088	141,192	145,312	149,448
8 000	153,60	157,768	-	-	-
9 000					

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = 2 \cdot 10^{-7} \cdot X^2 + 0,0176 \cdot X$
- + X: giá trị chỉ thị trên đồng hồ áp lực (Psi)
- + Lực đo được: kN
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại Công ty, ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN(ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N⁰): 12a/227 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH**
(Object)

Kiểu: **Thủy lực – KN200 – 150**
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **180705**
(Serial No/Tag No)

Năm:
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 200) tấn ≈ (0 – 2 000) kN**
(Technical Specification) - Áp kế: **(0 – 50) MPa**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **3 000 kN, U = 0,13%**
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2704**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

Áp kế	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
0	0,00	4,28	8,56	12,85	17,15	21,45	25,75	30,05	34,36	38,68
10	43,00	47,32	51,65	55,99	60,32	64,67	69,01	73,36	77,72	82,08
20	86,44	90,81	95,18	99,56	103,94	108,33	112,72	117,11	121,51	125,91
30	130,32	134,73	139,15	143,57	148,00	152,43	156,86	161,30	165,74	170,19
40	174,64	179,10	183,56	188,02	192,49	196,97	-	-	-	-
50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60										

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = 0,0022 * X^2 + 4,278 * X$
- + X: giá trị chỉ thị trên đồng hồ áp lực (MPa)
- + Lực đo được: Tấn
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại Công ty, ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/228 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**

(Object)

Kiểu: **WDW – 100**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **1911229**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 - 100) kN**

(Technical Specification)

- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,1 kN**

- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**

(Customer)

Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lê, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**

(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 100 kN, U = 0,13%

(Standards used)

- Liên kết chuẩn VMI

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2705**

(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**

(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2

(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.

This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

TT	Chỉ thị của thiết bị (kN)	Lực chuẩn trung bình (kN)	q%	b%	v%	a%	S ₀ %
1	0	0,000	0,9	0,6	0,2	0,5	0,1
2	10	9,914					
3	20	19,828					
4	30	29,744					
5	40	39,660					
6	50	49,577					
7	60	59,494					
8	70	69,413					
9	80	79,332					
10	90	89,252					

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Phương trình hiệu chuẩn: $f(x) = 4 \cdot 10^{(-6)} \cdot X^2 + 0,9913 \cdot X$
- + X: giá trị chỉ thị trên máy (kN)
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo $U = 0,8\%$ với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại Trung tâm, ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/229 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **ĐỒNG HỒ SO**
(Object)
Kiểu: **Lò xo**
(Type)
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)
Số/Mã QL: N/A
(Serial No/Tag No)
Năm:
(Date of manufacturer)
Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 - 50) mm**
(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**
Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lê, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**
Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**
(In accordance used)
Chuẩn được sử dụng: - Bộ hiệu chuẩn đồng hồ so, $U = (0,58 + 0,13.L) \mu m$
(Standards used) - Bộ căn mẫu chuẩn;
- Liên kết chuẩn Quatest 1; Vilas 1462
Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)
Tem hiệu chuẩn số: **25B.2706**
(Calibration Stamp N^o)
Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 - 4 - 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2

(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

- Sai số thành phần: $\pm 20 \mu\text{m}$
- Sai số tổng: $\pm 15 \mu\text{m}$
- Độ hồi sai: $2,0 \mu\text{m}$
- Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(22 \pm 3) ^\circ\text{C}$

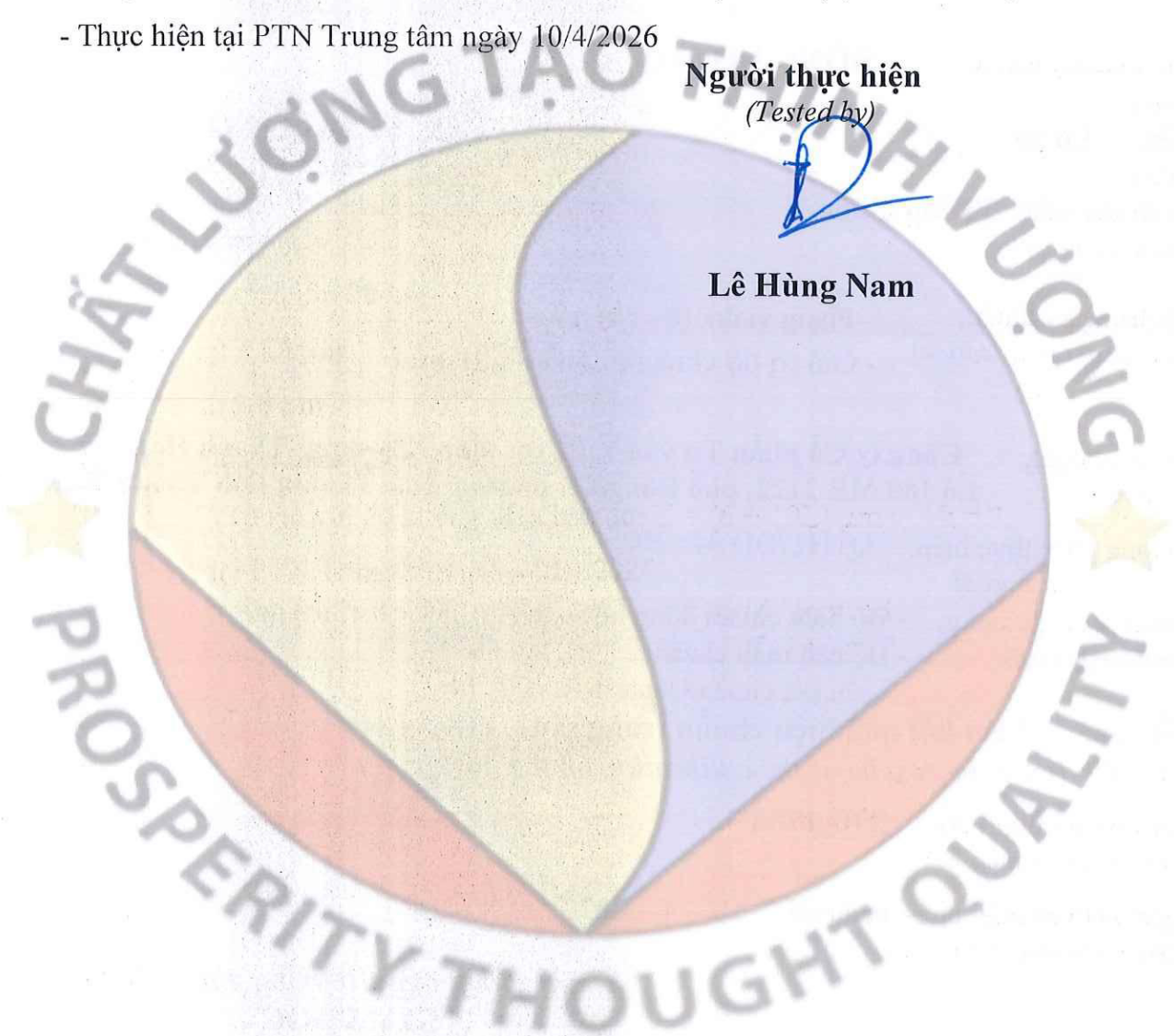
Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo: $U = (6 + 10L) \mu\text{m}$ với $k = 2, P = 95\%$

- Thực hiện tại PTN Trung tâm ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N⁰): 12a/230 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **ĐỒNG HỒ SO**
(Object)
Kiểu: **Lò xo**
(Type)
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)
Số/Mã QL: N/A
(Serial No/Tag No)
Năm:
(Date of manufacturer)
Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 - 50) mm**
(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Bộ hiệu chuẩn đồng hồ so, $U = (0,58 + 0,13.L) \mu m$
(Standards used) - Bộ căn mẫu chuẩn;
- Liên kết chuẩn Quatest 1; Vilas 1462

Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2707**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 - 4 - 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026
GIÁM ĐỐC

Director
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
VÀ ỨNG DỤNG
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
THANH HOÁ

ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

- Sai số thành phần: $\pm 25 \mu\text{m}$
- Sai số tổng: $\pm 15 \mu\text{m}$
- Độ hồi sai: $2,0 \mu\text{m}$
- Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(22 \pm 3) ^\circ\text{C}$

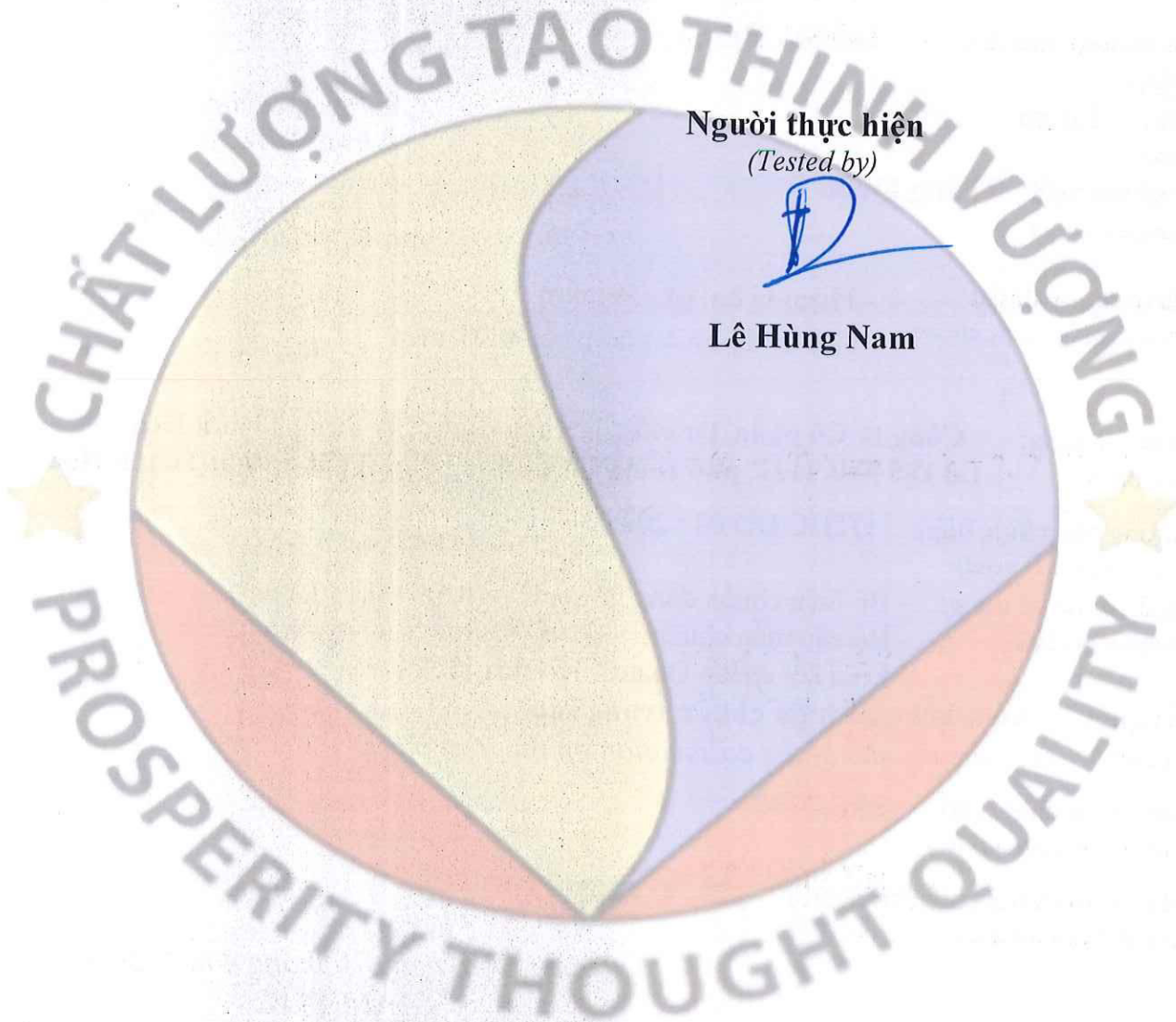
Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo: $U = (6 + 10L) \mu\text{m}$ với $k = 2, P = 95\%$

- Thực hiện tại PTN Trung tâm ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/231 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY NÉN TAM LIÊN**

(Object)

Kiểu: **ZJ**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **3775**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 2 400) N**

(Technical Specification)

- Đồng hồ so: **(0 – 10) mm**

- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**

(Customer)

Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**

(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **50 kN**, **U = 0,13%**

(Standards used)

- Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2708**

(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**

(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2

(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.

This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

- Tiết diện dao: 30 cm² (CALIBRATION RESULTS)

Cấp áp lực (kPa)	Lực nén danh định (N)	Lực đo được (N)		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
12,5	37,5	37,2	37,4	37,3
25	75	74,8	74,7	74,7
50	150	149,2	148,4	148,3
100	300	299,4	298,7	298,9
200	600	599,2	599,6	598,3
300	900	897,5	898,6	899,1
400	1 200	1 196,4	1 198,4	1 198,4
800	2 400	2 398,5	2 397,5	2 396,4

- Tiết diện dao: 50 cm²

Cấp áp lực (kPa)	Lực nén danh định (N)	Lực đo được (N)		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
12,5	62,5	61,2	62,2	62,3
25	125,0	123,7	124,6	124,1
50	250	251	249,2	249,5
100	500	499,3	498,6	499,6
200	1 000	998,3	997,1	996,7
300	1 500	1 498,6	1 497,8	1 498,3
400	2 000	1 991,7	1 996,7	1 997,3

- Điều kiện môi trường

+ Nhiệt độ phòng: (23 ± 2) °C; Độ ẩm (65 ± 5) %Rh

- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo $U = 1,5\%$ với $k = 2$, $P = 95\%$

- Thực hiện tại Trung tâm, ngày 10/4/2026

Người thực hiện

(Tested by)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

Lê Hùng Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N⁰): 12a/232 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY CẮT ĐẤT**
(Object)

Kiểu: **ZJ**
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **3775**

(Serial No/Tag No)

Năm: **2015**

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:
(Technical Specification)
- Phạm vi đo: **(0 – 1 200) N**
- Đồng hồ so: **(0 – 10) mm**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **50 kN, U = 0,13%**
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2709**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: **01/06/2025**

Trang: **1/2**
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

TT	Giá trị chỉ thiết bị (vạch x 0,01 mm)	Lực chuẩn trung bình (N)
1	0	0,000
2	20	114,359
3	40	228,715
4	60	343,069
5	80	457,421
6	100	571,770
7	120	686,117
8	140	800,461
9	160	914,803
10	180	1 029,143
11	200	1 143,480
12	220	1 257,815

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- **Phương trình hiệu chuẩn:** $F = -3 \cdot 10^{-4} \cdot X^2 + 5,718 \cdot X$
 - + F là giá trị lực đo được (kN)
 - + X là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (x 0,01 mm)
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo với $k = 2, P = 95\%$
- Thực hiện tại Trung tâm, ngày 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 2a - 54/2026

Tên đối tượng: Cân kỹ thuật

Object

Kiểu: HZT-A3000

Type

Sản xuất tại: Trung Quốc

Manufacturer:

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất (Max capacity): Max = 3 000 g

Specifications: Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0.01 g

Cấp chính xác (Class): II

Nơi sử dụng: Lô188 MB2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá

User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 16 : 2021

Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ

Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)

Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03073

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến (*): 11 - 4 - 2027

Valid until:

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 4 năm 2026

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by



Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

(*) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03/ĐL-NC
Ngày ban hành 01/06/2025

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 2a - 55/2026

Tên đối tượng: Cân kỹ thuật
Object

Kiểu: R21PE15
Type

Sản xuất tại: Ohaus - Mỹ
Manufacturer:

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất (Max capacity): Max = 15 kg
Specifications:

Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0.5 g

Cấp chính xác (Class): II

Nơi sử dụng: Lô188 MB2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 16 : 2021
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03071
Verification stamp N^o:

Thời hạn đến (*): 11 - 4 - 2027
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 4 năm 2026
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN
Verifier by



Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 2a - 56/2026

Tên đối tượng: Cân kỹ thuật

Object

Kiểu: KD-TBED

Type

Sản xuất tại: Trung Quốc

Manufacturer:

Số: 71700110

Serial N^o:

Năm: 2016

Year

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất (Max capacity): Max = 1 200 g

Specifications: Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0.01 g

Cấp chính xác (Class): II

Nơi sử dụng: Lô188 MB2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá

User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 16 : 2021

Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ

Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)

Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03072

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến (*): 11 - 4 - 2027

Valid until:

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 4 năm 2026

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by



Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN(ĐK36)
CALIBRATION CERTIFICATE
Số (N^o): 12a/225 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH THÔNG TÂM (Kéo neo)**
(Object)
Kiểu: **Thủy lực** Số/Mã QL: **2804051**
(Type) (Serial No/Tag No)
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc** Năm:
(Manufacturer) (Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 – 600) kN \approx 60 tấn**
(Technical Specification) - Áp kế: **(0 – 60) MPa**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**
(In accordance used)
Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **1 000 kN, U = 0,16%**
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2702**
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **10 – 4 – 2027**
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

BM 14.01/ĐL

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)

Áp kế	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
0	0,00	1,70	3,40	5,11	6,83	8,55	10,28	12,01	13,75	15,49
10	17,24	18,99	20,76	22,52	24,29	26,07	27,85	29,64	31,44	33,23
20	35,04	36,85	38,67	40,49	42,32	44,15	45,99	47,83	49,68	51,54
30	53,40	55,27	57,14	59,02	60,90	-	-	-	-	-
40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

- Điều kiện môi trường
- + Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$
- Phương trình hiệu chuẩn: $F(x) = 0,0028 * X^2 + 1,696 * X$
X: giá trị chỉ thị trên Áp kế (MPa); Lực đo được: Tấn
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo $U = 2\%$ với $k = 2$, $P = 95\%$
- Thực hiện tại PTN Công ty, 10/4/2026

Người thực hiện
(Tested by)



Lê Hùng Nam

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HOÁ

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
Measurement and Testing Certificate
Số (N⁰): 12a – 233 - KQĐ/2026

Tên phương tiện đo: THIẾT BỊ SIÊU ÂM CỌC KHOAN NHỒI
(Object)

Kiểu: ChamP-Q
(Type)

Cơ sở sản xuất: Mỹ
(Manufacturer)

Số/Mã QL: N/A
(Serial No/Tag No)

Năm: N/A
(Year of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Tốc độ lấy mẫu: 500 kHz/1 MHz/2 MHz
(Technical Specification) - Độ dài đo: (0 – 100) m;
- Phù hợp Tiêu chuẩn ASTM D6760

Cơ sở sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá
(Customer) Lô 188 MB2122, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Phương pháp thực hiện: Đo, kiểm tra trực tiếp;
(In accordance used) Thước mét chuẩn.

Kết quả: Xem kết quả trang sau
(Results)

Tem hiệu chuẩn số: 25B.2710
(Calibration Stamp N^o)

Ngày khuyến nghị lần tới: 10 – 4 – 2027
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC
Director
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
VÀ ỨNG DỤNG
CHUYÊN GIAO KHOA
HỌC CÔNG NGHỆ
THANH HÓA

ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

KẾT QUẢ ĐO
(CALIBRATION RESULTS)

TT	Chiều dài chuẩn (m)	Chiều dài trung bình đo được và độ lệch so với chiều dài chuẩn (m)			
		Kênh phát	Độ lệch	Kênh thu	Độ lệch
1	10	9,99	- 0,01	9,97	- 0,03
2	20	19,96	- 0,04	19,94	- 0,06
3	30	29,95	- 0,05	29,93	- 0,07
4	40	39,94	- 0,06	39,94	- 0,06
5	50	49,92	- 0,08	49,95	- 0,05
6	60	59,91	- 0,09	59,95	- 0,05
7	70	69,86	- 0,14	69,94	- 0,06

- Điều kiện môi trường

+ Nhiệt độ phòng: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(65 \pm 5) \% \text{Rh}$

- Thực hiện tại PTN Trung tâm, 10/4/2026

Người thực hiện

Tested by



Lê Hùng Nam

PHỤ LỤC 3
BẢN SAO BẰNG CẤP, CHỨNG CHỈ CÁN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

..... *Đại học Mở*
..... *Địa chất*
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Địa chất Công trình*
hạng *Trung bình khá* năm tốt nghiệp *1999*
và công nhận danh hiệu

..... *Trụ sở*

cho *Lê Minh Thông*
sinh ngày *09-08-1977* tại *Thành phố Hà Nội*
..... ngày *20* tháng *8* năm *1999*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng
..... *POS.TS. Bùi Ngọc*

Số hiệu bằng Số vào sổ

B **174399** *32-42*

Chữ ký của người được cấp bằng

Mon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

..... *Đại học Mở*
..... *Địa chất*
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC (Bằng hai)**
ngành *Kỹ thuật dân dụng và công nghệ*
hạng *Khá* năm tốt nghiệp *2006*
và công nhận danh hiệu

..... *Trụ sở Kỹ thuật*

cho *Lê Minh Thông*
sinh ngày *09-02-1977* tại *Thành phố Hà Nội*
..... ngày *23* tháng *5* năm *2006*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng
..... *POS.TS. Bùi Ngọc*

Số hiệu bằng Số vào sổ

C **385752** *337/2006/ĐD-MOITX*
..... *23-5-2006*

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

..... *Đại học Kỹ thuật*
..... *Đa ngành*
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC (Bằng hai)**
ngành *Kỹ thuật dân dụng và công nghệ*
hạng *Khá* năm tốt nghiệp *2006*
và công nhận danh hiệu

..... *Trụ sở Kỹ thuật*

cho *Lê Minh Thông*
sinh ngày *09-02-1977* tại *Thành phố Hà Nội*
..... ngày *23* tháng *5* năm *2006*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng
..... *POS.TS. Bùi Ngọc*

Số hiệu bằng Số vào sổ

C **385752** *337/2006/ĐD-MOITX*
..... *23-5-2006*

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

..... *Đại học Kỹ thuật*
..... *Đa ngành*
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC (Bằng hai)**
ngành *Kỹ thuật dân dụng và công nghệ*
hạng *Khá* năm tốt nghiệp *2006*
và công nhận danh hiệu

..... *Trụ sở Kỹ thuật*

cho *Lê Minh Thông*
sinh ngày *09-02-1977* tại *Thành phố Hà Nội*
..... ngày *23* tháng *5* năm *2006*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng
..... *POS.TS. Bùi Ngọc*

Số hiệu bằng Số vào sổ

C **385752** *337/2006/ĐD-MOITX*
..... *23-5-2006*

Chữ ký của người được cấp bằng

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Le Minh Thong**

Has successfully passed the Training Course on
Management of Construction Laboratory

In March 2008

Ref. N^o: 3214/2008/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Lê Minh Thông**

Ngày sinh: **09/02/1977** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP TV XD Thanh Hóa - LAS XD 246

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

Quản lý Phòng Thí nghiệm
chuyên ngành Xây dựng

Thời gian tổ chức: Tháng 3/2008

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2008

Viện trưởng
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS. TS. Cao Duy Tiên

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **LE MINH THONG**

Has successfully passed the Training Course on
Field Test for Evaluation the Integrity
and Bearing Capacity of Pile

In August 2011

Ref. N^o: 9295 /2011/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **LÊ MINH THÔNG**

Ngày sinh: **09/02/1977** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và
sức chịu tải của cọc

Thời gian tổ chức: Từ ngày 22/7/2011 đến ngày 25/7/2011

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Viện trưởng
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS. TS. Cao Duy Tiên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering

Upon: *Ms.* LE HOAN NGUYEN

Date of birth: 31 December 1988

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part - time

Hanoi, 20 November 2015

Reg. No: 2015/VL/VH/667

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: Ông LÊ HOÀN NGUYỄN

Ngày sinh: 31/12/1988

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 357776

Số vào sổ cấp bằng: 2015/VL/VH/667

PGS.TS Phạm Duy Hòa



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mr. LE HOAN NGUYEN

Has successfully passed the Training Course on
Management of Construction Laboratory

Ref. N^o: 15133/2017/VKH -THXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

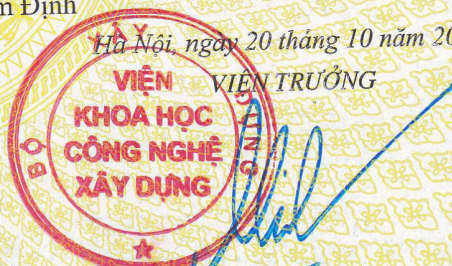
Chứng nhận: Ông **LÊ HOÀN NGUYỄN**
Ngày sinh: **31/12/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**
Cơ quan: **CTCPTV&KĐXD Thanh Hóa**
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng:

Quản lý Phòng Thí nghiệm

(Thuộc Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng
công trình xây dựng ở Việt Nam")

Thời gian tổ chức: Từ ngày 22/9/2017 đến ngày 26/9/2017
Tại: Nam Định

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017



TS. Nguyễn Đại Minh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mr. LE HOAN NGUYEN

Has successfully passed the Training Course on
**Field Test for Evaluation the Integrity
and Bearing Capacity of Pile**

In August 2011

Ref. N^o: 9294 /2011/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

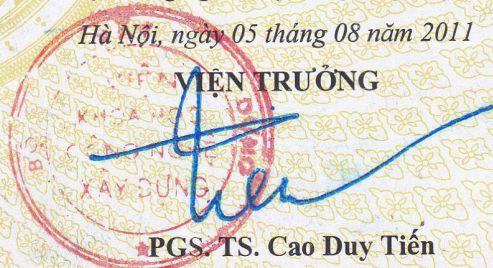
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **LÊ HOÀN NGUYỄN**
Ngày sinh: **31/12/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**
Cơ quan:
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và
sức chịu tải của cọc**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 22/7/2011 đến ngày 25/7/2011
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2011



PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Le Hoan Nguyen**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In November 2008

Ref. N^o: 4495/2008/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Lê Hoàn Nguyên**

Ngày sinh: **31/12/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn TK & XD Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 06/11 đến ngày 27/11/2008

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Le Hoan Nguyen**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico - Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints**

In September 2008

Ref. N^o: 4253/2008/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Lê Hoàn Nguyên**

Ngày sinh: **31/12/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của
vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian: Từ ngày 16/9/2008 đến 23/9/2008

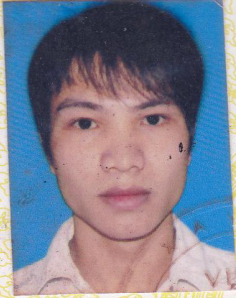
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr/Ms **Le Hoan Nguyen**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In November 2009

Ref. N°: 5949 /2009/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông/Bà **Lê Hoàn Nguyên**
Ngày sinh: **31/12/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**
Cơ quan: Công ty CP Xây dựng I Thanh Hóa

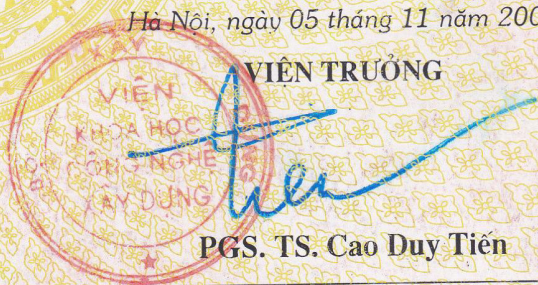
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 05/10/2009 đến 27/10/2009

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2009



PGS. TS. Cao Duy Tien

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000660217** /LĐT BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: **18-346**
Ngày **20** tháng **3** năm **2006**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: *Trung học Giao thông vận tải
Trung ương I*

Cấp cho: **NGUYỄN THỊ LAN**

Sinh ngày: **02.4.1981**

Nguyên quán: **Thị trấn Hải Bình**

Nghề đào tạo: **Thi nghiệm Vật liệu đường bộ**

Từ ngày: **19.10.04** đến ngày: **1.3.2006**

Đạt trình độ thợ bậc: **3/4**

Tốt nghiệp hạng: **Đã học**

Theo quyết định số: **06/DT**

Ngày **20** tháng **3** năm **2006**

ngày **20** tháng **3** năm **2006**



Đào Văn Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI.....

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo TÀI CHỨC
ngành... Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp...
hạng... Trung bình... năm tốt nghiệp... 1999...
và công nhận danh hiệu

KỶ SỰ XÂY DỰNG.....



Số hiệu bằng

A...00037663

Số vào sổ

172KXD95

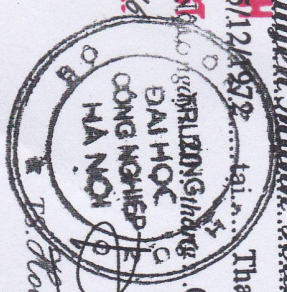
CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VÀ BÀN CHỮ

chữ *Nguyễn Mạnh Hùng* sinh ngày... 05/12/1972... tại... Thanh Hóa.....

Chữ ký của người được cấp bằng số: *3633* Quyền số: *21*

Ngày... 29 tháng... 1999... Khoa trưởng

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thiện



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Sinh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. NGUYEN MANH HUNG

Has successfully passed the Training Course on
Management of Construction Laboratory

Ref. N^o: 15132/2017/VKH -THXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Ngày sinh: **05/12/1972** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: **CTCPTV&KĐXD Thanh Hóa**

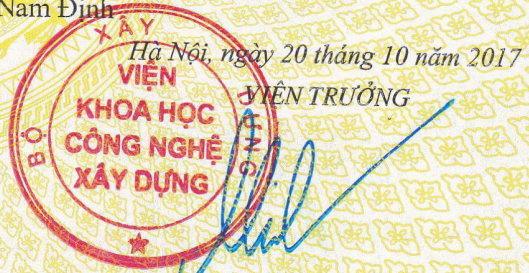
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng:

Quản lý Phòng Thí nghiệm

*(Thuộc Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng
công trình xây dựng ở Việt Nam")*

Thời gian tổ chức: Từ ngày 22/9/2017 đến ngày 26/9/2017

Tại: Nam Định



TS. Nguyễn Đại Minh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Manh Hung

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

Ref. N^o: 7616 /2010/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**

Ngày sinh: **05/12/1972** - Quê quán: **Thanh Hoá**

Cơ quan: Công ty CP Xây dựng 1 – Thanh Hoá

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 12/7/2010 đến 01/8/2010

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010



PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Manh Hung

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In September 2010

Ref. N^o: 7755 /2010/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**

Ngày sinh: **05/12/1972** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP Xây dựng 1 Thanh Hóa

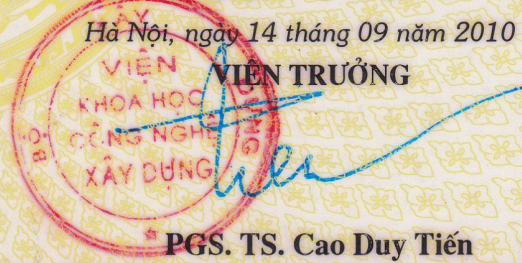
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 10/8 đến ngày 26/8/2010

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2010



PGS. TS. Cao Duy Tien

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. NGUYEN MANH HUNG

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico - Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints**

Ref. N^o: 14387 /2017/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Ngày sinh: **05/12/1972** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn và KB XD Thanh Hóa

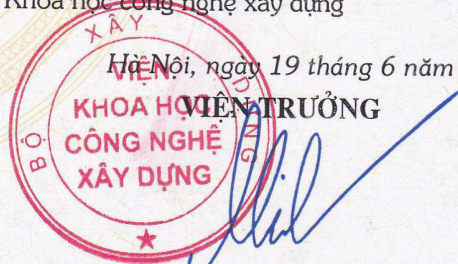
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của
Vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 06/6/2017 đến ngày 15/6/2017

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2017



TS. Nguyễn Đại Minh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP NGHỀ**



Cho: **Đặng Văn Quân**

Ngày sinh: **02-02-1983** Giới tính: **Nam**

Nơi sinh: **Tiền Hải- Thái Bình**

Nghề đào tạo: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**

Khoá học từ tháng **8 / 2009** đến tháng **3 / 2011**

Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày **01** tháng **4** năm **2011**

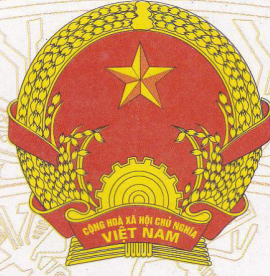
HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu bằng: **849**

Vào sổ cấp bằng số: **21075**



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP NGHỀ**



Cho: **Cao Thị Hoa**

Ngày sinh: **23/3/1990** Giới tính: **Nữ**

Nơi sinh: **Sầm Sơn- Thanh Hoá**

Nghề đào tạo: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**

Khoá học từ tháng **8 /2009** đến tháng **3 /2011**

Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội , ngày **01** tháng **4** năm **2011**

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu bằng: **839**

Vào sổ cấp bằng số: **21065**



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mrs. **HA THI THUY**
Has successfully passed the Training Course on
**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o: 14206 /2017/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **HÀ THỊ THỦY**
Ngày sinh: 16/12/1980 - Quê quán: **Thanh Hóa**
Cơ quan: Công ty CP Tư vấn & KĐ XD Thanh Hóa
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 08/5/2017 đến ngày 27/5/2017
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG
TS. Nguyễn Đại Minh

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN



Ông (bà) : *Lê Minh Thông*
Sinh ngày : *09-02-1977*
Quê quán : *Thanh Hoá*
Đã học xong chương trình : *Tập huấn về "Quản lý
hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng"*
Hệ : *Tập trung ngày 20/08/2008*
Từ ngày : */ /* đến ngày : */ /*

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2008...
Giám đốc

HỌC VIỆN
CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ
ĐÔ THỊ
Ths. Phạm Xuân Diệu

Số quyết định: 894/QĐ-HVCBXD
ngày 20 tháng 08 năm 2008.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

KĨ THUẬT (ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH)

Cho ông *Nguyễn Văn Chánh*

Sinh ngày *06/11/1973* tại *Thanh Hóa*

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Hiệu trưởng



PGS. TS. Trần Đình Kiên

Số bằng: 000516

Nº. A 0035209

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Cấp cho Ông: **NGUYỄN VĂN TỈNH**
- Ngày tháng năm sinh: 15/01/1976
- Địa chỉ thường trú: Thôn Lộc Tiến, Quảng Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa
- Được cấp phép hoạt động xây dựng:
 1. Khảo sát địa chất công trình.

Chung chi có giá trị trên toàn quốc đến ngày:
17/02/2021

Hà Nội, ngày 17/02/2016

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Dục



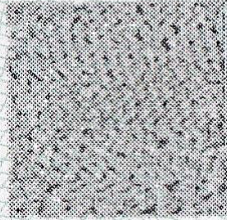
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Nguyễn Văn Tỉnh

- Thông tin người được cấp chứng chỉ:
- Số CMND (hoặc hộ chiếu): 171611350
cấp ngày 02/06/2010 tại CA-Thanh Hóa
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn: Đại học - Kỹ sư địa chất công trình

Số chứng chỉ:

KS-04-00305 -A



Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Căn cứ quyết định công nhận tốt nghiệp số 1497/BXD-TCB
ngày 11 / 12 / 1982 của Bộ xây dựng

CẤP **BẰNG TỐT NGHIỆP**

Kỹ sư xây dựng

Sao Sơn Sơn

Cho Sinh ngày 12-09-1960
Tại Hà Nội - Học hâu - Hà Nam Ninh
Học ngành Xây dựng
Thuộc hệ Đại hạn năm

Đã tốt nghiệp kỳ thi năm 1982
Được xếp hạng tốt nghiệp loại

Ngày tháng năm 19

Hiệu trưởng



Số đăng ký
2473



K/T HIỆU TRƯỞNG
HIỆU PHO

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Cao Văn Tấn**

Ngày tháng năm sinh: **12/09/1960**

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): **171359437**

Cấp ngày: **16/02/2006** tại: **CA Thanh Hóa**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Kiến trúc Hà Nội**

Hệ đào tạo: **Dài hạn**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Xây dựng**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời gian
1	Giám sát Xây dựng và hoàn thiện công trình Dân dụng và Công nghiệp	III	Từ 25/9/2018 đến 25/9/2023
2	Thiết kế kết cấu công trình Dân dụng và Công nghiệp	III	Từ 25/9/2018 đến 25/9/2023

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 9 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ngọc Thanh

